

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BÙI VĂN KHIẾT (Tổng Chủ biên)
CAO VĂN GIÁP – VŨ THỊ HỒNG AN – NGÔ HÀ VŨ (Đồng Chủ biên)
NGUYỄN ĐÌNH PHÚ – LÊ THỊ HẠNH – NGUYỄN THỊ THUYẾT – VŨ ĐẠI AN
HOÀNG THỊ MINH – LÊ THỊ HỒNG VÂN – NGUYỄN THỊ LUYẾN – TRẦN THỊ MINH THANH
LÊ THỊ HỒNG – LÊ THỊ HUỆ – NGUYỄN THỊ BÌNH – VŨ THỊ BÍCH LIÊN – VŨ QUANG BIÊN
TRẦN THỊ LOAN – TRẦN THỊ THANH TÂM – CHU THỊ HUYỀN – TRỊNH HỒNG LỊCH
VŨ THỊ THU HẰNG – TRẦN THỊ GIANG – BÙI THỊ DUYÊN – PHAN NGUYỄN
LÊ THỊ PHƯƠNG – PHẠM VĂN TƯỜNG – NGÔ THỊ THUYẾT – TRẦN THỊ TỰ
VŨ THỊ MỸ HẠNH – TRƯƠNG VĂN NHƯỜNG

TÀI LIỆU
GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
Tỉnh **NINH BÌNH**



BẢN MẪU

LỜI NÓI ĐẦU

Ninh Bình là vùng đất địa linh nhân kiệt, là nơi hội tụ những giá trị di sản đặc sắc của lịch sử, văn hoá cùng tiềm năng phát triển kinh tế to lớn, mang một diện mạo riêng vừa cổ kính, sâu lắng vừa hiện đại, giàu sức sống và bản sắc. Cuốn *Tài liệu Giáo dục địa phương Ninh Bình lớp 6* được biên soạn nhằm giúp học sinh tiếp cận có hệ thống những giá trị tiêu biểu về truyền thống lịch sử, văn hoá, kinh tế, chính trị của quê hương Ninh Bình.

Tài liệu Giáo dục địa phương Ninh Bình lớp 6 gồm 07 chủ đề, mỗi chủ đề nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết cơ bản về một trong những nội dung văn hoá, lịch sử truyền thống, địa lí, kinh tế, hướng nghiệp, chính trị – xã hội, môi trường của tỉnh Ninh Bình. Thông qua đó, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, đất nước, tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần bảo tồn những giá trị văn hoá của địa phương; phát triển năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp; năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội; vận dụng kiến thức (tự nhiên, văn hoá, xã hội) vào thực tiễn, ứng xử với tự nhiên phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ môi trường tại địa phương; góp phần xây dựng văn hoá, kinh tế – xã hội Ninh Bình ngày càng phát triển.

Hi vọng rằng, cuốn *Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Ninh Bình lớp 6* sẽ trở thành cầu nối tri thức giúp các em học sinh hiểu, trân trọng, tự hào đồng thời có ý thức giữ gìn, lan toả những giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của quê hương Ninh Bình trong đời sống hôm nay và mai sau.

BAN BIÊN SOẠN

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU	3
Chủ đề 1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ TỈNH NINH BÌNH.....	5
Chủ đề 2. NINH BÌNH TỪ CỘI NGUỒN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X.....	12
Chủ đề 3. TRUYỀN THUYẾT VÀ CỔ TÍCH NINH BÌNH.....	28
Chủ đề 4. CÁC DÒNG HỌ Ở NINH BÌNH	41
Bài 1. Văn hoá dòng họ ở Ninh Bình	41
Bài 2. Giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình và dòng họ ở ninh bình.....	46
Chủ đề 5. ÂM NHẠC TRUYỀN THỐNG Ở NINH BÌNH.....	52
Chủ đề 6. NGHỆ THUẬT KIẾN TRÚC VÀ ĐIÊU KHẮC TRUYỀN THỐNG CỦA TỈNH NINH BÌNH.....	60
Chủ đề 7. ĐA DẠNG THỂ GIỚI SỐNG CỦA TỈNH NINH BÌNH.....	67
Bài 1. Đa dạng thể giới sống ở Ninh Bình	67
Bài 2. Vai trò và bảo tồn đa dạng sinh học ở Ninh Bình	74
BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ.....	81
DANH MỤC TỪ TRA CỨU	83
BẢN QUYỀN/NGUỒN HÌNH ẢNH	84

Chủ đề 1

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ TỈNH NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ của tỉnh Ninh Bình.
- Nêu được sự thay đổi địa giới hành chính của tỉnh qua một số mốc thời gian quan trọng; biết được các đơn vị hành chính của tỉnh Ninh Bình.
- Rèn luyện kĩ năng sử dụng bản đồ hành chính, phân tích các bảng thông tin.
- Xác định được xã/ phường nơi học sinh đang sinh sống và học tập; biết tìm kiếm tài liệu địa lí phục vụ cho bài tập dự án về địa lí địa phương.
- Hình thành và phát triển tình yêu quê hương, có ý thức tìm hiểu về lịch sử, địa lí của địa phương.



Hình 1.1. Lược đồ vị trí tỉnh Ninh Bình trong lãnh thổ Việt Nam

A. MỞ ĐẦU



Hình 1.2. Danh thắng Tràng An

Ninh Bình được biết đến là nơi có nhiều danh lam thắng cảnh, nhiều di tích lịch sử, văn hoá nổi tiếng như quần thể danh thắng Tràng An, khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long, cố đô Hoa Lư... Dù trải qua nhiều lần thay đổi về địa giới hành chính, vị trí địa lí của tỉnh vẫn có nhiều lợi thế cho phát triển kinh tế – xã hội.

Quan sát các hình 1.1, 1.2, em hãy:

- 1. Trình bày hiểu biết của em về vị trí địa lí của tỉnh Ninh Bình.*
- 2. Kể tên một số danh lam thắng cảnh nổi tiếng ở tỉnh Ninh Bình.*

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ

Ninh Bình nằm ở phía nam vùng Đồng bằng sông Hồng, là khu vực chuyển tiếp giữa vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Bắc Trung Bộ. Phía bắc của tỉnh tiếp giáp với Thủ đô Hà Nội, phía đông bắc giáp tỉnh Hưng Yên, phía tây giáp tỉnh Phú Thọ, phía nam giáp tỉnh Thanh Hoá và phía đông giáp biển Đông, với đường bờ biển dài khoảng 90 km.

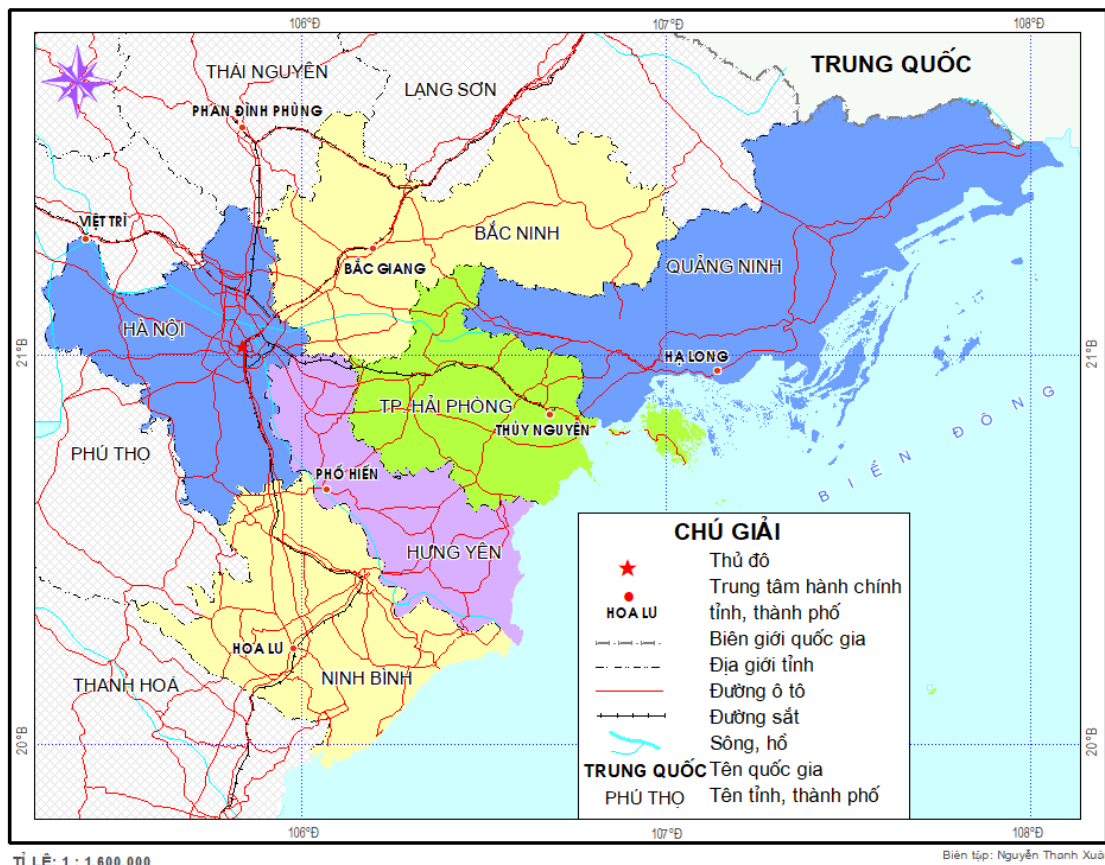
Diện tích tự nhiên của tỉnh Ninh Bình là 3942,6 km² (năm 2025), đứng thứ 31 trong số 34 tỉnh/thành phố của cả nước.

Bảng 1.1. Các điểm cực và tọa độ địa lí tỉnh Ninh Bình

Điểm cực	Vĩ độ	Kinh độ	Đơn vị hành chính
Bắc	20°45'B		Phường Duy Tân
Nam	19°47'B		Xã Kim Đông
Tây		105°32'Đ	Xã Cúc Phương
Đông		106°57'Đ	Xã Giao Minh

(Theo Báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 của UBND tỉnh Ninh Bình)

Với vị trí nằm trên trục giao thông quan trọng Bắc – Nam, đồng thời có cả vùng đồng bằng, vùng ven biển và vùng chuyển tiếp địa hình, Ninh Bình có lợi thế trong việc mở rộng hợp tác, giao lưu kinh tế với các địa phương khác trong cả nước, nhất là với thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.



Hình 1.3. Lược đồ hành chính vùng Đồng bằng sông Hồng

Dựa vào hình 1.3 và đọc thông tin, em hãy:

1. Xác định vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ của tỉnh Ninh Bình.
2. Cho biết tỉnh Ninh Bình tiếp giáp với những tỉnh, thành phố nào?
3. Nêu ảnh hưởng của vị trí địa lý đối với phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

2. Sự phân chia đơn vị hành chính qua các thời kì

Ninh Bình là vùng đất có lịch sử lâu đời, địa giới hành chính của tỉnh đã nhiều lần thay đổi để phù hợp với sự phát triển kinh tế – xã hội trong từng giai đoạn.

2.1. Ninh Bình trước năm 1965

Trong thế kỉ XIX, cùng với quá trình cải cách hành chính dưới triều Nguyễn và thời kì Pháp thuộc, khu vực nay thuộc tỉnh Ninh Bình được tổ chức thành ba tỉnh riêng biệt:

- Năm 1831, tỉnh Ninh Bình chính thức ra đời do tổng đốc¹ Hà – Ninh kiêm quản.
- Năm 1832, tỉnh Nam Định chính thức được thành lập, trở thành một trung tâm hành chính – kinh tế quan trọng ở phía nam đồng bằng sông Hồng.
- Năm 1890, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định về việc thành lập tỉnh Hà Nam – một tỉnh mới trên cơ sở mở rộng phủ Lý Nhân.

Từ sau khi ba tỉnh được thành lập đến trước tháng 4/1965, mỗi tỉnh có phạm vi lãnh thổ và bộ máy quản lí riêng, trong giai đoạn này đơn vị hành chính tương đối ổn định.

Trước năm 1965, khu vực thuộc tỉnh Ninh Bình hiện nay được tổ chức thành những tỉnh nào?

2.2. Ninh Bình từ năm 1965 đến trước năm 1997

Từ năm 1965 đến trước năm 1997, tỉnh Ninh Bình có nhiều sự thay đổi về địa giới và sắp xếp các đơn vị hành chính nhằm tinh gọn bộ máy quản lí, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước qua các thời kì.

Bảng 1.2. Sự thay đổi địa giới hành chính tỉnh Ninh Bình từ năm 1965 đến năm 1997

Thời gian	Sự thay đổi địa giới hành chính
4/1965	Tỉnh Nam Hà được thành lập trên cơ sở sáp nhập tỉnh Nam Định và tỉnh Hà Nam; tỉnh Ninh Bình vẫn là đơn vị hành chính độc lập.

¹ Tổng đốc: là chức quan đứng đầu một tỉnh lớn. Ở đây là tỉnh Hà Nội nhưng kiêm coi luôn một tỉnh nhỏ gần kề – tỉnh Ninh Bình. (Theo *Địa chí Ninh Bình*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 40.

Thời gian	Sự thay đổi địa giới hành chính
12/1975	Tỉnh Hà Nam Ninh được thành lập do hợp nhất tỉnh Nam Hà và tỉnh Ninh Bình.
4/1992	Tỉnh Hà Nam Ninh được tách thành hai tỉnh Ninh Bình và Nam Hà.
01/1997	Tỉnh Ninh Bình giữ nguyên Tỉnh Nam Hà tách thành hai tỉnh Nam Định và Hà Nam.

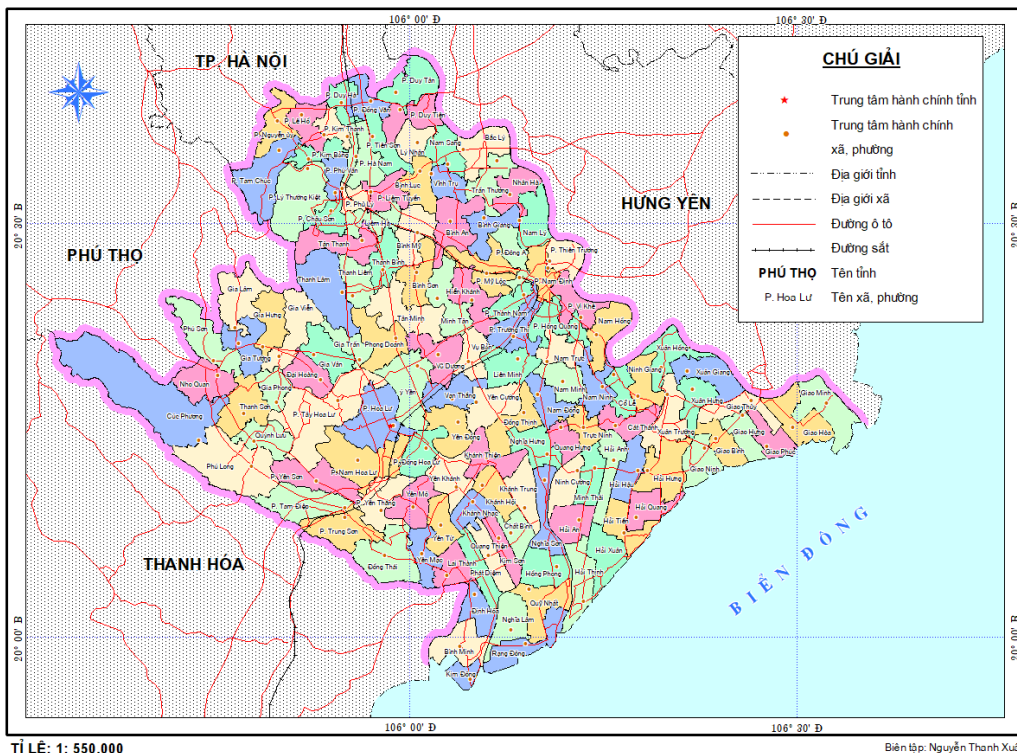
2.3. Ninh Bình từ năm 1997 đến nay

Từ tháng 01/1997 đến tháng 6/2025, khu vực này được tổ chức thành ba tỉnh riêng biệt là Ninh Bình, Nam Định và Hà Nam. Mỗi tỉnh có trung tâm hành chính và định hướng phát triển kinh tế – xã hội riêng, đồng thời có mối liên hệ chặt chẽ trong việc phát triển vùng Đồng bằng sông Hồng.

Tháng 7/2025, thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính, tỉnh Ninh Bình mới được thành lập trên cơ sở sáp nhập ba tỉnh Nam Định, Ninh Bình và Hà Nam.

Đọc thông tin ở mục 2.2 và 2.3, hãy xác định các mốc thời gian quan trọng trong quá trình thành lập tỉnh Ninh Bình hiện nay.

3. Các đơn vị hành chính của tỉnh Ninh Bình hiện nay (từ 01/7/2025)



Hình 1.4. Lược đồ hành chính tỉnh Ninh Bình

Hiện nay, tỉnh Ninh Bình có 129 đơn vị hành chính cấp cơ sở gồm 97 xã và 32 phường. Trung tâm tỉnh đặt tại phường Hoa Lư, cách thủ đô Hà Nội hơn 90 km về phía nam.



Hình 1.5. Một góc phường Hoa Lư

Em có biết?

Phường Hoa Lư được thành lập vào ngày 01/7/2025, trên cơ sở sáp nhập 11 đơn vị hành chính xã, phường cũ. Phường Hoa Lư là trung tâm của tỉnh Ninh Bình, nằm trên trục giao thông Bắc – Nam, cách Thủ đô Hà Nội 90 km về phía nam. Phường Hoa Lư còn nằm trong không gian văn hoá cổ đô Hoa Lư, nơi có nhiều di tích và danh thắng nổi tiếng như núi Non Nước, núi Ngọc Mỹ Nhân, động Thiên Tôn, chùa Đẩu Long,...

1. Tỉnh Ninh Bình hiện nay có bao nhiêu đơn vị hành chính cấp cơ sở? Trong đó, có bao nhiêu xã, bao nhiêu phường?
2. Trung tâm của tỉnh Ninh Bình ở phường nào? Xác định vị trí trung tâm của tỉnh trên bản đồ.

4. Thực hành: Tìm hiểu vị trí địa lí và lãnh thổ địa phương em

Dựa vào bản đồ hành chính tỉnh Ninh Bình, em hãy:

4.1. Xác định vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ địa phương em

- Xác định xã/phường nơi em đang sinh sống trên bản đồ hành chính tỉnh Ninh Bình.
- Nêu diện tích của xã/phường nơi em đang sinh sống.
- Cho biết các hướng tiếp giáp của xã/phường đó với các xã/phường khác trong tỉnh, hoặc với biển, tỉnh khác (nếu có).

4.2. Xác định mối quan hệ với trung tâm tỉnh

– Xác định xã/phường nơi em đang sinh sống nằm về phía nào so với trung tâm tỉnh (phường Hoa Lư).

– Dựa vào tỉ lệ bản đồ, tính khoảng cách thực tế từ xã/phường nơi em sinh sống đến trung tâm tỉnh.

4.3. Nhận xét về vị trí địa lí của địa phương em

Nêu ảnh hưởng của vị trí địa lí đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương em.

C. LUYỆN TẬP

1. Dựa vào lược đồ hành chính tỉnh Ninh Bình, hãy xác định các điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây của tỉnh.
2. Tỉnh Ninh Bình được thành lập dựa trên cơ sở sáp nhập những tỉnh nào và vào thời gian nào?

D. VẬN DỤNG

1. Dựa vào lược đồ hành chính tỉnh Ninh Bình cho biết tỉnh Ninh Bình có bao nhiêu xã ven biển? Kể tên các xã ven biển của tỉnh.
2. Hãy xác định hướng và tuyến đường em có thể đi từ xã/phường nơi em đang sinh sống đến trung tâm tỉnh (phường Hoa Lư).

Chủ đề 2

NINH BÌNH TỪ CỘI NGUỒN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Kể tên được các di tích tiêu biểu liên quan đến dấu tích cư dân cổ trên vùng đất Ninh Bình.
- Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của vùng đất Ninh Bình thời dựng nước và thời kì Bắc thuộc.
- Liên hệ được các di tích cổ xưa trên địa bàn tỉnh gắn với địa danh hành chính hiện nay.
- Tự hào về vùng đất có lịch sử lâu đời, giáo dục tình yêu quê hương đất nước.

A. MỞ ĐẦU



**Hình 2.1. Động Người Xưa
(Vườn quốc gia Cúc Phương)**



Hình 2.2. Đình làng Vị Khê (phường Vị Khê) thờ Nguyễn Công Thành – người có công trong cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán năm 938



**Hình 2.3. Trống đồng Ngọc Lũ
(xã Nhân Hà)**

1. Những hình ảnh trên gợi cho em suy nghĩ gì về dấu ấn lịch sử từ thời nguyên thủy đến đầu thế kỉ X ở Ninh Bình?
2. Ở địa phương em hiện nay có những di tích, lễ hội hoặc câu chuyện lịch sử nào liên quan đến thời kì dựng nước và giữ nước? Em hãy chia sẻ hiểu biết của mình.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Ninh Bình thời nguyên thủy

1.1. Những dấu tích của người nguyên thủy trên vùng đất Ninh Bình

Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, con người đã xuất hiện trên vùng đất Ninh Bình từ sớm. Dấu tích của người nguyên thủy được phát hiện tại nhiều di tích khảo cổ ở Ninh Bình cho thấy người nguyên thủy đã sinh sống ở đây cách ngày nay hàng vạn năm.

Trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, các nhà khảo cổ học đã phát hiện nhiều công cụ bằng đá, bằng xương, những mảnh gốm cổ, đồ trang sức hoặc di cốt người nguyên thủy... tại các di chỉ khảo cổ. Tiêu biểu như di chỉ hang Gióng Lở, di chỉ hang Chuông (xã Thanh Lâm), di chỉ động Người Xưa (Vườn quốc gia Cúc Phương), di chỉ núi Ba (phường Tam Điệp), di chỉ Thung Lang (phường Trung Sơn), di chỉ Đồng Vườn và di chỉ Mán Bạc (xã Đồng Thái), di chỉ hang Lò (núi Lê – xã Vụ Bản), di chỉ núi Hồ (xã Liên Minh),...



Hình 2.4. Bộ sưu tập rìu, cuốc đá
(Di chỉ hang Lò, xã Vụ Bản)

Năm 1988, khai quật di chỉ hang Lò (núi Lê – xã Vụ Bản), các nhà khảo cổ đã phát hiện được một số lượng lớn các hiện vật phong phú thuộc thời kỳ đồ đá mới, gồm có 23 công cụ bằng đá, xương và đồ gốm.



Hình 2.5. Núi Hồ (xã Liên Minh)

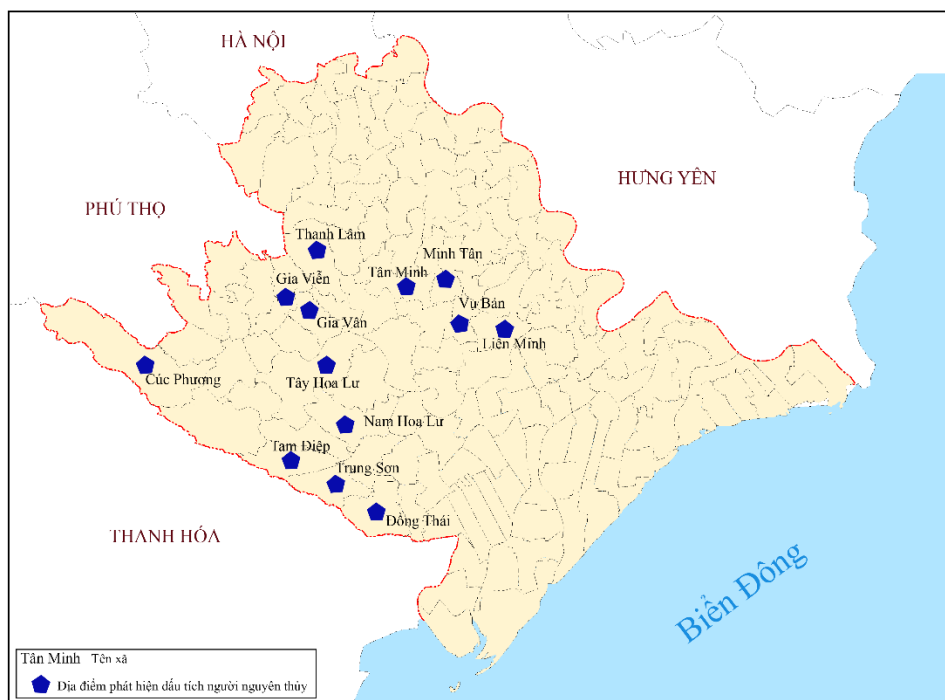
Em có biết?

Năm 1968, tại núi Hồ, các nhà khảo cổ học đã phát hiện nhiều công cụ bằng đá và đồ gốm. Nơi đây từng là khu vực cư trú của cư dân cuối thời kỳ đồ đá mới, đầu thời kỳ kim khí.



Hình 2.6. Di chỉ Mán Bạc (xã Đồng Thái)

Di tích khảo cổ học Mán Bạc (xã Đồng Thái) là một trong những di tích khảo cổ học có giá trị lịch sử – văn hoá quan trọng thuộc giai đoạn sơ kì kim khí. Tại đây, các nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều mộ táng, các loại công cụ lao động bằng đá, đồ trang sức và đồ gốm,...



Hình 2.7. Lược đồ dấu tích người nguyên thủy ở Ninh Bình

1. Dựa vào Lược đồ hình 2.7, em hãy kể tên một số di tích khảo cổ tiêu biểu thời nguyên thủy ở Ninh Bình.
2. Việc phát hiện các hiện vật trong thời kì này ở Ninh Bình phản ánh điều gì?

1.2. Đời sống của người nguyên thủy trên vùng đất Ninh Bình

Người nguyên thủy đã biết chế tạo nhiều loại công cụ từ các chất liệu khác nhau. Tại các di chỉ ở Ninh Bình, nhiều công cụ bằng đá, xương, sừng đã được tìm thấy. Trong chế tác công cụ đồ đá, người nguyên thủy không chỉ biết ghè đẽo mà

còn biết mài ở lưỡi cho sắc. Loại hình công cụ đá khá đa dạng như: rìu đá có vai, rìu mài lưỡi, các hòn ghè, chày đá, bàn nghiền, hòn kê,...



Hình 2.8. Công cụ đá
(Di chỉ hang Gióng Lở,
xã Thanh Lâm)



Hình 2.9. Rìu
(Di chỉ Mán Bạc,
xã Đồng Thái)



Hình 2.10. Hòn kê
(Di chỉ Mán Bạc,
xã Đồng Thái)

Bên cạnh công cụ bằng đá, những hiện vật gốm bao gồm đồ dùng hằng ngày như nồi, vò, niêu, hũ, bát và những đồ đựng khác được tìm thấy ở nhiều di chỉ. Gốm được nặn bằng tay và chế tạo bằng bàn xoay, được trang trí nhiều kiểu hoa văn khác nhau.



Hình 2.11. Nồi gốm
(Di chỉ Mán Bạc, xã Đồng Thái)



Hình 2.12. Nồi gốm
(Di chỉ hang Lồ, xã Vụ Bản)



Hình 2.13. Mảnh gốm
(Di chỉ Đồng Vườn, xã Đồng Thái)

Em có biết?

Tại di tích Đồng Vườn phát hiện nhiều mảnh gốm với xương gốm dày, nhiều sạn, màu nâu sẫm, đen, vàng xám, đỏ sẫm hoặc xương gốm pha nhiều cát,...

Người nguyên thủy ở Ninh Bình khai thác những sản vật có sẵn trong tự nhiên làm nguồn thức ăn bằng phương thức săn bắt, săn bắn và hái lượm. Dần dần, họ biết chăn nuôi và trồng các loại rau, củ, quả,... Việc tìm thấy chì lưới bằng đất nung cho thấy hoạt động đánh bắt cá của cư dân nguyên thủy ở Ninh Bình khá là phổ biến.



Hình 2.14. Chì lưới
(Di chỉ Mán Bạc, xã Đồng Thái)

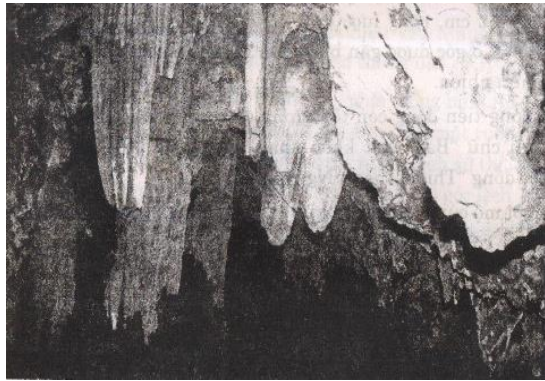


Hình 2.15. Mảnh trầm tích có chứa vỏ ốc
(động Người Xưa, vườn Quốc gia Cúc Phương)

Em có biết?

Động Người Xưa có diện tích khoảng 30 m², rộng và thoáng. Năm 1966, khai quật khảo cổ tại đây đã phát hiện một tầng văn hoá rất phong phú, đa dạng gồm có ốc suối, ốc núi, xương răng động vật như vượn, khỉ, gấu, lợn rừng, hươu, nai. Nhiều công cụ lao động như rìu đá, dao cắt bằng đá và than tro dày gần 2 m. Điều này cho thấy nguồn sống của người nguyên thủy ở đây chủ yếu là săn bắt và hái lượm.

Ban đầu, người nguyên thủy ở Ninh Bình sống chủ yếu trong hang động, mái đá (động Người Xưa, hang Gióng Lở,...), sau đó địa bàn cư trú dần mở rộng. Họ rời thung lũng, hang động đến những nơi có điều kiện thuận lợi để sinh sống, sản xuất. Cuộc sống định cư gắn với việc hình thành các xóm làng. Những dấu tích chân cột được chôn và chèn chặt bởi vỏ nhuyễn thể cho thấy cư dân ở đây đã dựng nhà để ở.



Hình 2.16. Hang Gióng Lở
(xã Thanh Lâm)



Hình 2.17. Hố chân cột
(Di chỉ Mán Bạc, xã Đồng Thái)

Người nguyên thủy đã biết làm đẹp. Đồ trang sức được làm từ những nguyên liệu sẵn có như đá, xương, sừng động vật hoặc vỏ nhuyễn thể. Họ có quan niệm về thế giới bên kia khá rõ nét. Người chết được chôn với tư thế khác nhau và được chôn theo đồ tùy táng như: rìu đá, đồ gốm, đồ trang sức,... Sự phân hoá giàu nghèo thể hiện phần nào thông qua số lượng các đồ vật được chôn theo người chết.



Hình 2.18. Mộ cổ
(Di chỉ Mán Bạc, xã Đồng Thái)



Hình 2.19. Đồ trang sức
(Di chỉ Mán Bạc, xã Đồng Thái)

Em có biết?

Động Người Xưa không chỉ là nơi cư trú mà còn là khu mộ táng của người nguyên thủy. Tại đây khai quật được ba ngôi mộ cổ chôn theo tư thế nằm co, ngồi xổm với các di cốt còn khá nguyên vẹn có niên đại cách ngày nay khoảng 7.500 năm. Người nguyên thủy được chôn xung quanh kê đá học, đáy rải, đá rằm và có mộ được rắc thổ hoàng. Có lẽ người xưa đã có ý niệm về thế giới bên kia, họ đã chôn theo người chết một số công cụ sinh hoạt và đồ trang sức bằng vỏ nhuyễn thể.

1. Trình bày những nét chính về công cụ lao động, nơi ở và phương thức kiếm sống của người nguyên thủy ở Ninh Bình.
2. Trình bày những biểu hiện về đời sống tinh thần của cư dân nguyên thủy ở Ninh Bình.
3. Theo em, việc người nguyên thủy chôn theo đồ tùy táng trong các ngôi mộ cổ phản ánh điều gì?

2. Ninh Bình thời dựng nước

2.1. Dấu tích thời dựng nước trên vùng đất Ninh Bình

Nhiều hiện vật khảo cổ gắn liền với văn hoá Đông Sơn đã được phát hiện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình cho thấy những dấu tích thời kì dựng nước đầu tiên tại đây. Hiện vật chủ yếu làm từ đồng để phục vụ cho đời sống hằng ngày của cư dân thuộc nhiều nhóm khác nhau: các loại vũ khí dùng trong chiến đấu để tự vệ cũng như săn bắn (mũi tên, dao găm, mũi lao,...); công cụ sản xuất (rìu, cuốc, dao gặt,...), dụng cụ sinh hoạt hằng ngày (nồi, bát, cốc, muôi,...); đồ trang sức (vòng cổ, vòng tay, ộp tay,...) đã được phát hiện ở nhiều địa điểm trên địa bàn tỉnh Ninh Bình như phường Tam Điệp, phường Yên Sơn, xã Gia Viễn, phường Tây Hoa Lư, xã Bình Sơn, phường Đồng Văn,...



**Hình 2.20. Mũi tên đồng
(phường Tam Điệp)**



**Hình 2.21. Dao gặt
(phường Đồng Văn)**



Hình 2.22. Rìu đồng
(xã Gia Viễn)



Hình 2.23. Trống đồng Côi Sơn
(xã Vụ Bản)

Một trong những hiện vật tiêu biểu của cư dân cổ thời dựng nước là trống đồng đã được tìm thấy ở nhiều nơi trên địa bàn Ninh Bình như trống đồng Thôn Mống (xã Nho Quan), trống đồng Côi Sơn (xã Vụ Bản), trống đồng Ngọc Lũ (xã Nhân Hà),...



Hình 2.24. Trống đồng Thôn Mống
(xã Nho Quan)

Em có biết?

Trống đồng Thôn Mống có đường kính mặt 51 cm, cao 29 cm, nặng 10,7 kg. Mặt trống rộng, chính giữa trang trí ngôi sao 12 cánh tượng trưng cho Mặt Trời, phần còn lại trang trí 12 băng hoa văn đồng tâm với các họa tiết hình bông lúa, hình người mặc áo lông vũ, hình chim lạc,... Rìa mặt trống đặt 4 khối tượng cóc nằm đối xứng theo hướng ngược chiều kim đồng hồ. Những hoa văn trên trống đồng cho thấy từ thời dựng nước, cư dân cổ ở Ninh Bình sống chủ yếu bằng sản xuất nông nghiệp và có kỹ thuật luyện kim khá phát triển.

Bên cạnh những hiện vật được tìm thấy, ở Ninh Bình còn có rất nhiều di tích thờ các nhân vật lịch sử trong thời dựng nước. Tiêu biểu như đền Cả La Mai (phường Tây Hoa Lư); đền thôn Đỗ (xã Khánh Nhạ); đền Kê Thượng, đền Kê Hạ, đền Miếu Sơn (phường Nam Hoa Lư); đền Năn (phường Yên Thắng); đền Bình Hải (xã Yên Từ); đình Sùng Văn (phường Mỹ Lộc); đền Đá (xã Nam Hồng);...



**Hình 2.25. Đền Năn
(phường Yên Thắng)**

Đền Năn thờ năm vị thần thời Hùng Vương thứ 6 (Quý Nương, chàng Hoàng, chàng Cả, chàng Hai và chàng Ba) vốn là dòng dõi vua Hùng, có công lớn trong việc bảo vệ và phát triển nhà nước Văn Lang. Di tích lưu giữ được nhiều hiện vật có giá trị từ thời Hậu Lê. Đền Năn đã được Bộ Văn hoá – Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) xếp hạng là Di tích lịch sử văn hoá cấp Quốc gia năm 1993.



**Hình 2.26. Đình Sùng Văn
(phường Mỹ Lộc)**

Đình Sùng Văn thờ Linh Lang Đại Vương (thời Hùng Duệ Vương, có công bảo vệ đất nước) và hai tướng Cao Đê, Đãi Chân (phò An Dương Vương). Năm 1997, đình được Bộ Văn hoá – Thông tin (nay là Bộ Văn hoá – Thể thao và Du lịch) công nhận di tích lịch sử – kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Hãy nêu những dấu tích thời dựng nước ở Ninh Bình.

2.2. Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân cổ Ninh Bình thời dựng nước

Đời sống vật chất của cư dân cổ Ninh Bình đã có nhiều chuyển biến. Họ mở rộng địa bàn cư trú, tiến hành khai khẩn đất đai, làm thuỷ lợi, chinh phục vùng đồng bằng, cửa sông ven biển, lập ra các làng xã. Phần lớn cư dân đã chiếm lĩnh các gò, đồi, vùng đất cao ven sông suối thuận lợi cho việc sinh hoạt và sản xuất.

Diện tích trồng trọt được mở rộng. Lúa nước là cây trồng chủ yếu, ngoài ra cư dân còn trồng thêm cây ăn quả, chăn nuôi. Bên cạnh đó, nghề làm gốm và luyện kim cũng khá phát triển. Đồ gốm được làm bằng bàn xoay, nung trong lò có nhiệt độ tương đối đều. Đồ đồng xuất hiện với nhiều chủng loại, kiểu dáng phong phú, đa dạng.



**Hình 2.27. Muôi (a), khuôn đúc đồng (b), vòng (c)
(phát hiện ở xã Gia Viễn)**



**Hình 2.28. Mặt trống đồng Ngọc Lũ
(xã Nhân Hà)**

Em có biết?

Các hình ảnh khắc trên trống đồng và một số đồ đồng như hình chim, hình lông công, mặt trời, cảnh gĩa gạo, múa hát, bơi thuyền,... đã phần nào phản ánh đời sống vật chất và tinh thần của cư dân cổ.

Cư dân cổ trên đất Ninh Bình còn biết làm đẹp với các đồ trang sức chủ yếu được làm từ đá, đồng, vỏ nhuyễn thể, xương,... Các hình thức sinh hoạt văn hoá tinh thần như các trò chơi dân gian, lễ hội, tín ngưỡng, phong tục, tập quán cũng rất phong phú và phổ biến trong nhân dân.

Em có biết?

Các mộ thuyền được phát hiện tại phường Châu Sơn, có niên đại cuối thời Đông Sơn, đầu thời Bắc thuộc. Trong và xung quanh mộ thuyền phát hiện nhiều công cụ lao động, vũ khí bằng đồng, sắt; đồ gốm và đồ trang sức. Việc phát hiện nhiều khu mộ cổ với các quan tài gỗ hình thuyền, bên trong chứa nhiều hiện vật khác nhau, thể hiện sự phân hoá xã hội khá rõ nét. Đây là loại hình mai táng độc đáo, xuất hiện vào cuối thời Đông Sơn, phản ánh tín ngưỡng sông nước và quan niệm về hành trình sang thế giới bên kia của cư dân cổ vùng châu thổ sông Hồng.

1. Trình bày đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Ninh Bình thời dựng nước.
2. Trong đời sống của cư dân Việt cổ, trống đồng có vai trò như thế nào?

3. Ninh Bình thời Bắc thuộc

3.1. Dấu tích thời Bắc thuộc

Trong suốt thời kì Bắc thuộc (từ năm 179 TCN đến đầu thế kỉ X), các triều đại phong kiến phương Bắc đã thi hành chính sách cai trị, bóc lột và đồng hoá nhân dân ta. Nhiều cuộc khởi nghĩa đã nổ ra chống lại ách áp bức của các triều đại phương Bắc. Dấu tích của thời kì này ở Ninh Bình thể hiện khá rõ thông qua các loại hình mộ táng, các hiện vật được khai quật và di tích lịch sử.

Trên vùng đất Ninh Bình thời kì Bắc thuộc, bên cạnh các loại mộ táng truyền thống của người Việt còn có nhóm mộ gạch kiểu Hán được du nhập vào nước ta từ những thế kỉ đầu Công nguyên (thế kỉ I – III). Dấu tích của những ngôi mộ gạch đã được tìm thấy ở nhiều địa điểm tại Ninh Bình. Mộ được xếp bằng gạch có kích thước lớn, hình hộp chữ nhật, trên có cuốn vòm. Trong mộ có chôn theo nhiều đồ tuỳ táng bằng đá, gốm men, gốm đất nung, gương đồng,...



Hình 2.29. Mộ cổ Gia Thủy
(xã Gia Thủy)



Hình 2.30. Ấm gốm men
(Mộ cổ Gia Thủy)

Trong các cuộc đấu tranh chống ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc, Nhân dân Ninh Bình có những đóng góp tích cực. Hiện nay, có nhiều di tích đền, đình, miếu,... ở Ninh Bình thờ các vị tướng và những người có công tham gia đấu tranh giành độc lập thời Bắc thuộc. Các di tích tiêu biểu như đền Đông Hội thờ ba anh em là Đông Bụt, Diệu Vũ và Ngọc nữ Trần Hoa (phường Nam Hoa Lư), đền Sầy thờ Ngọc Quang công chúa (xã Thanh Sơn), đình Bình Hải thờ ba vị tướng thời Hai Bà Trưng (xã Yên Cường), đền Giáp Nhất thờ Đào Quý Nương (xã Hiến Khánh), đền Quán Các thờ Trình Thị Cực (xã Nam Hồng), đền Vụ Nữ thờ nữ tướng Mai Thị Hồng (xã Hiến Khánh), đền Vĩnh Lại thờ Bạch Đằng và Cao Lôi (xã Liên Minh), đền Giáp Ba thờ Triệu Quang Phục (xã Nam Trục), Đình làng Vị Khê thờ Nguyễn Công Thành (xã Điền Xá), đền thờ nữ tướng Nguyệt Nga (phường Tiên Sơn),...



Hình 2.31. Đình Bình Hải
(xã Yên Cường)



Hình 2.32. Đền Vụ Nữ
(xã Hiến Khánh)

1. Hãy trình bày những dấu tích thời kì Bắc thuộc ở Ninh Bình.
2. Việc phát hiện những dấu tích thời kì Bắc thuộc ở Ninh Bình có ý nghĩa gì?

3.2. Ninh Bình trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc, giành độc lập

3.2.1. Ninh Bình trong cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng

Năm 40, Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa chống lại ách đô hộ nhà Đông Hán. Cuộc khởi nghĩa đã tác động tới người dân vùng đất Ninh Bình. Từ miền rừng núi đến miền đồng bằng, nhân dân đều tích cực hưởng ứng. Nữ tướng Đào Quý Nương đã chiêu binh kéo về Hát Môn tham gia khởi nghĩa. Theo lệnh Hai Bà Trưng, bà đã về khu Giáp Nhất (phần lớn thuộc xã Vụ Bản hiện nay) chiêu mộ quân sĩ. Hưởng ứng cuộc khởi nghĩa, nhân dân ở đây đã tích cực tham gia, ủng hộ nghĩa quân. Do lực lượng chênh lệch, khi Mã Viện kéo quân sang đàn áp, cuộc khởi nghĩa thất bại. Nữ tướng Đào Quý Nương tử trận.



Hình 2.33. Đền Giáp Nhất
(xã Hiến Khánh)

Em có biết?

Đào Quý Nương quê ở phủ Quốc Oai (nay thuộc Hà Nội). Bà được Trưng Vương phong là Giám sát nguyên suý, phong hiệu là Công chúa, ban cho ruộng đất ở khu Giáp Nhất. Bà đã đem toàn bộ bổng lộc chia cho dân làng ở đây, dạy dân làm nghề, gây dựng thuần phong mỹ tục. Để tri ân công lao của nữ tướng Đào Quý Nương, nhân dân đã lập đền thờ bà.

Tại thôn Dưỡng Mông (phường Tiên Sơn), khi nghe tin Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa, nữ tướng Nguyệt Nga đã tập hợp hơn 2.000 người cùng hợp sức đánh đuổi ngoại xâm. Sau khi khởi nghĩa thắng lợi, nữ tướng Nguyệt Nga được cử về cai quản chính quyền tại phủ Lý Nhân. Năm 43, tướng Mã Viện đưa quân đến khu vực Hà Nam trước đây, đội quân do nữ tướng Nguyệt Nga lãnh đạo đã kiên cường kháng cự. Tuy nhiên, do lực lượng chênh lệch, thống soái Nguyệt Nga đã anh dũng quyên sinh trên dòng sông Châu. Đình Đá Tiên Sơn (phường Tiên Sơn) là một trong những nơi thờ cúng nữ tướng Nguyệt Nga.



Hình 2.34. Đình Đá Tiên Sơn
(phường Tiên Sơn)



Hình 2.35. Đền Đông Hội
(phường Nam Hoa Lư)

Em có biết?

Đền Đông Hội thờ ba vị tướng thời Hai Bà Trưng có công đánh giặc ngoại xâm phương Bắc là Đổng Âm Đổng Bụt, Diêu Vũ Dương Uy và Trần Thị Ngọc Hoa.

Vùng đất Ninh Bình thời kì này còn có nhiều nhân vật, sự kiện gắn liền với cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Có thể kể đến nữ tướng Cao Thị Liên, người làng Thạch Tô (xã Liêm Hà), đã cùng với Hoàng Nghệ xây dựng căn cứ khởi nghĩa, dấy binh chống lại nhà Hán. Tại Lý Nhân, Lê Thị Chân cũng gương cao ngọn cờ khởi nghĩa chống quân xâm lược, đem lực lượng hợp sức với Cao Thị Liên đánh giặc. Khi khởi nghĩa Hai Bà Trưng diễn ra, hai lực lượng này đã hưởng ứng, góp phần vào việc làm suy yếu thế lực ngoại xâm.

Sau khi cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng thất bại, nhiều tướng lĩnh của cuộc khởi nghĩa vẫn ẩn náu nơi núi rừng, cùng nhân dân tiếp tục chống giặc ngoại xâm. Tại vùng Lạt Sơn (xã Tam Sơn), phát hiện căn cứ cố thủ của nữ tướng Lê Chân chống lại quân Đông Hán. Đến cuối năm 43, vì bị giặc bao vây nên bà đã tuẫn tiết ở đây. Nhân dân quanh vùng thương tiếc đã lập miếu thờ bà tại Lạt Sơn.

Hiện nay, ở Ninh Bình vẫn còn hệ thống các di tích thờ các vị tướng thời Hai Bà Trưng hoặc những người có công trong cuộc khởi nghĩa chống quân Đông Hán.

Hệ thống di tích này đã phản ánh sự đóng góp quan trọng của nhân dân Ninh Bình trong cuộc đấu tranh giành độc lập buổi đầu thời Bắc thuộc.

3.2.2. Ninh Bình trong cuộc khởi nghĩa Lý Bí

Đầu năm 542, khởi nghĩa Lý Bí bùng nổ chống lại ách đô hộ của nhà Lương. Khởi nghĩa thắng lợi, năm 544, Lý Bí tự xưng là Lý Nam Đế lập nước Vạn Xuân. Năm 545, quân Lương xâm lược nước Vạn Xuân, Triệu Quang Phục lãnh đạo cuộc kháng chiến. Trong cuộc đấu tranh chống nhà Lương, nhân dân Ninh Bình đã tham gia và để lại nhiều dấu ấn.

Dưới ách thống trị tàn bạo của nhà Lương, Đinh Lôi – người làng Nguyễn Trung (xã Liêm Hà) đã tập hợp lực lượng, ngày đêm luyện tập. Khi Lý Bí dựng cờ khởi nghĩa, Đinh Lôi đưa quân về hợp sức và được phong làm tướng. Trong thời gian khởi nghĩa, Đinh Lôi có về khu vực Kim Thái, Cự Hào và làng Cồn Dâu (xã Liên Minh) mộ quân, lập căn cứ. Ông có vai trò lớn trong việc đẩy lui các cuộc phản công của nhà Lương. Khi Triệu Quang Phục lãnh đạo cuộc kháng chiến, Đinh Lôi cùng các tướng lĩnh và nhân dân địa phương theo Triệu Quang Phục tiếp tục tham gia chiến đấu.

Hiện nay, tại Ninh Bình có nhiều di tích thờ Lý Bí, Đinh Lôi và những người tham gia nghĩa quân như đền thôn Cự Hào (xã Liên Minh), đền Tiên Hương, đền Vân Cát (xã Vụ Bản), đền thờ Giáp Ba (xã Nam Trực),...



Hình 2.36. Đền thờ Giáp Ba (xã Nam Trực)



Hình 2.37. Đền thờ tướng quân Đinh Lôi (xã Liêm Hà)

Em có biết?

Hiện nay, tại một số di tích thờ tướng Đinh Lôi vẫn còn giữ tập tục lễ Chạp bằng xôi gà, đốt đuốc xông đền, làm lễ thi gà trong dịp tết kỉ niệm ăn mừng thắng trận của tướng quân Đinh Lôi. Trong đền còn đôi câu đối: “Đình thị đồng nhung Tiên Lý sử. /Tướng môn thao lược Hậu Lương chinh (Dịch nghĩa: Họ Đinh tướng soái thời Tiên Lý/ Thao lược cầm quân đánh đuổi quân Lương).

Vùng đất Vụ Bản trước đây cũng là một trong những căn cứ nghĩa quân của Triệu Quang Phục như làng Thiện Đẳng (xã Liên Minh), làng Đắc Lực (phường Trường Thi),... Triệu Việt Vương đã về đây xây căn cứ, hướng dẫn dân làng khai phá đồng ruộng, mở mang sản xuất nông nghiệp, tích trữ lương thực. Sau khi ông qua đời, nhân dân làng Thiện Đẳng, làng Đắc Lực lập đền thờ ông. Ngoài ra, Triệu Việt Vương còn được thờ tự tại làng Triều (xã Minh Tân), Đống Xuyên (xã Liên Minh).

3.2.3. Ninh Bình trong cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán

Năm 938, Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán xâm lược, chấm dứt thời kì nghìn năm Bắc thuộc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài cho nhân dân ta. Vùng đất Ninh Bình đã có những đóng góp trong cuộc kháng chiến đó. Theo thần tích đình làng Vị Khê (phường Vị Khê) ghi chép về một vị tướng có đóng góp không nhỏ vào chiến thắng Bạch Đằng là Nguyễn Công Thành. Khi Ngô Quyền chuẩn bị

kháng chiến chống quân Nam Hán, ông cùng hàng trăm người xin cùng tham gia đánh giặc. Kháng chiến thắng lợi, ông được phong làm tướng, trấn thủ vùng Sơn Nam. Ông có công dạy dân phát triển nông nghiệp, đắp đê ngăn mặn, dựng chùa thờ Phật, mở chợ và khuyến khích khai hoang, lập ra Nguyễn Gia Trang (tức làng Vị Khê sau này).

1. Kể tên một số hiện vật, di tích, sự kiện, nhân vật lịch sử tiêu biểu gắn với thời Bắc thuộc ở tỉnh Ninh Bình.
2. Theo em, truyền thống đấu tranh chống Bắc thuộc có ý nghĩa gì đối với nhân dân tỉnh Ninh Bình hiện nay?

C. LUYỆN TẬP

1. Lập bảng thống kê các di tích khảo cổ tiêu biểu thời nguyên thủy ở tỉnh Ninh Bình theo mẫu sau:

STT	Di tích khảo cổ	Địa điểm phát hiện	Hiện vật tiêu biểu
1	?	?	?
2	?	?	?
...	?	?	?

2. Nêu những điểm tiến bộ trong đời sống vật chất và tinh thần của cư dân tỉnh Ninh Bình thời dựng nước.
3. Trình bày những dấu ấn của tỉnh Ninh Bình trong các cuộc đấu tranh giành độc lập thời kì Bắc thuộc.

D. VẬN DỤNG

1. Ở xã/phường nơi em sinh sống có những di tích nào liên quan đến thời nguyên thủy, thời dựng nước và thời Bắc thuộc?
2. Viết đoạn văn (5 – 7 câu) giới thiệu về một hiện vật hoặc di tích lịch sử ở Ninh Bình mà em ấn tượng. Em cần phải làm gì để gìn giữ và bảo tồn các di tích lịch sử địa phương?
3. Em hãy liên hệ một phong tục, lễ hội hiện nay ở Ninh Bình có nguồn gốc từ thời dựng nước và thời Bắc thuộc.

Chủ đề 3

TRUYỀN THUYẾT VÀ CỔ TÍCH NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận biết được một số nét đặc sắc của truyền thuyết và cổ tích Ninh Bình.
- Nhận biết và phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của một số truyền thuyết và cổ tích Ninh Bình.
- Có ý thức tìm hiểu, sưu tầm truyện cổ dân gian địa phương; có thái độ trân trọng và yêu quý truyện cổ dân gian của tỉnh Ninh Bình.

A. MỞ ĐẦU



Hình 3.1. Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng
(phường Tây Hoa Lư)

Tuổi thơ em gắn liền với những câu chuyện nào? Trong những câu chuyện ấy, em ấn tượng nhất với điều gì?



B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Khái quát về truyền thuyết và cổ tích Ninh Bình

Truyền thuyết và cổ tích Ninh Bình là kho tàng quý báu của văn học dân gian nói chung và văn học tỉnh Ninh Bình nói riêng, là mạch nguồn tinh thần nuôi dưỡng tâm hồn con người từ thuở ấu thơ đến suốt cuộc đời bằng những câu chuyện vừa quen thuộc vừa kì diệu, bằng những bài học vừa giản dị vừa sâu sắc. Với lối kể chuyện sinh động, kết hợp giữa lịch sử, thực tại và hư cấu, tưởng tượng; giữa đời sống trần thế và đời sống tôn giáo; giữa cái bình dị đời thường và cái phi thường, kì lạ; truyện dân gian Ninh Bình đã tập trung phản ánh, khắc hoạ hình tượng con người Ninh Bình với nhiều đặc điểm, phẩm chất ưu tú, nổi bật như: tài năng, bản lĩnh, cá tính mạnh mẽ, ưa hành động, có khát vọng lớn lao, có chí khí, quyết tâm và sự kiên trì, nỗ lực để thực hiện những khát vọng đó.

1.1. Truyền thuyết

– Truyền thuyết Ninh Bình là những truyện dân gian kể về các sự kiện và nhân vật ít nhiều có liên quan đến lịch sử Ninh Bình, thông qua sự tưởng tượng hư cấu. Vẻ đẹp của truyền thuyết Ninh Bình thể hiện ở sự kết hợp hài hoà giữa yếu tố lịch sử và yếu tố kì ảo. Những chi tiết hoang đường không làm mất đi giá trị lịch sử mà còn góp phần tôn vinh nhân vật, thể hiện niềm tự hào, sự tôn kính của nhân dân Ninh Bình đối với cha ông.

– Ở Ninh Bình, số lượng truyền thuyết đã được sưu tầm đến nay khoảng vài trăm truyện, gồm: truyền thuyết tín ngưỡng, truyền thuyết lịch sử, truyền thuyết địa danh, truyền thuyết về các anh hùng văn hoá.

+ Truyền thuyết tín ngưỡng: truyền thuyết Chử Đồng Tử, Tiên Dung; truyền thuyết Mẫu Liễu Hạnh; truyền thuyết Hoa Lư Tứ Trấn;...

+ Truyền thuyết lịch sử: truyền thuyết về vua Đinh Tiên Hoàng, truyền thuyết về các đời vua Trần,...

+ Truyền thuyết về các anh hùng: Triệu Quang Phục, Đinh Bộ Lĩnh, Nguyễn Minh Không, Trần Hưng Đạo,...

– Đặc biệt, Ninh Bình có các vùng văn hoá tiêu biểu gắn liền với cố đô Hoa Lư, Đền Trần, Phủ Dầy, Liễu Đồi,... với số lượng truyền thuyết khá phong phú. Có thể khẳng định hoàn cảnh và điều kiện lịch sử nơi đây đã tạo điều kiện cho truyền thuyết dân gian nở rộ. Các truyền thuyết ở Ninh Bình không chỉ là câu chuyện mà còn là nền tảng văn hoá, tín ngưỡng sâu sắc. Sự góp mặt của truyền thuyết đã đem đến cho loại hình tự sự dân gian Ninh Bình giá trị tinh thần to lớn.

1.2. Cổ tích

– Truyện cổ tích Ninh Bình là một bộ phận quan trọng của truyện dân gian Việt Nam, gắn bó chặt chẽ với lịch sử, văn hoá và đời sống tinh thần của con người vùng đất cổ đô. Cổ tích Ninh Bình chủ yếu kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật quen thuộc (nhân vật bất hạnh, nhân vật dũng sĩ,...); tái hiện cuộc sống lao động, sinh hoạt, ước mơ và khát vọng của người dân nơi đây; đồng thời thể hiện phẩm chất cần cù, chịu thương chịu khó, hiền lành mà kiên cường của con người vùng chiêm trũng, núi non xen đồng bằng. Nhiều truyện cổ tích gắn với các địa danh nổi tiếng như núi non, hang động, đền chùa của Ninh Bình, góp phần lí giải tên gọi, sự hình thành cảnh quan và phong tục tập quán, làm giàu thêm tri thức dân gian của cộng đồng.

– Truyện cổ tích Ninh Bình thường có yếu tố kì ảo, hoang đường, đề cao những giá trị nhân văn; hướng con người sống tốt đẹp, biết yêu thương và sẻ chia; đồng thời thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu, sự công bằng đối với sự bất công.

– Ở Ninh Bình, truyện cổ tích chủ yếu tập trung ở các vùng văn hoá như cổ đô Hoa Lư, Phủ Dầy, Liễu Đồi,... Trong đó, truyện cổ tích sinh hoạt số lượng ít, chủ yếu là truyện cổ tích thần kì như *Truyện chàng đoạt dao của ngài Bắc Đẩu, Nàng trăm đời ngàn kiếp*;...¹, *Truyện trâu cau, Sự tích Thánh Ông, Sự tích núi Cẩm và núi Ngựa*,...². Ngoài ra, truyện cổ tích Ninh Bình còn lấy cảm hứng từ một số nhân vật (có thể là nhân vật có thực hoặc huyền thoại) có gốc gác ở Ninh Bình. Có thể kể đến truyện *Cường Bạo Đại vương, Ông Nam Cường* (ở làng Quần Anh – Hải Hậu), *Ông Không Lộ đúc chuông* hay *Sự tích hồ Trâu Vàng* (tức thiền sư Không Lộ ở Giao Thủy),...

– Sự có mặt của truyện cổ tích Ninh Bình đã góp phần làm cho văn học dân gian Ninh Bình nói riêng, văn học dân gian Việt Nam nói chung trở nên phong phú và đặc sắc hơn. Truyện cổ tích Ninh Bình là “kí ức văn hoá” của vùng đất giàu truyền thống lịch sử, giúp thế hệ sau hiểu hơn về cội nguồn, tự hào về quê hương, từ đó có ý thức gìn giữ và phát huy các giá trị di sản văn hoá dân tộc.

Truyền thuyết, cổ tích Ninh Bình không chỉ góp phần hình thành nhân cách, bồi đắp tình yêu quê hương, lòng nhân ái và niềm tin vào cuộc sống cho mỗi người con Ninh Bình mà còn giúp chúng ta hiểu hơn về ước mơ, khát vọng của nhân dân lao động vùng đất cổ đô xưa kia.

¹ *Khảo sát văn hoá truyền thống Liễu Đồi*, NXB Văn hoá dân tộc, H., 1995.

² *Truyện dân gian Kim Bảng*, Tập I, NXB Văn hoá dân tộc, H., 2003.

2. Văn bản đọc hiểu

2.1. Văn bản 1

2.1.1. Đọc văn bản

SỰ TÍCH SÔNG HOÀNG LONG (Truyện truyền thuyết)



Hình 3.2. Một đoạn sông Hoàng Long

Đình Bộ Lĩnh từ nhỏ đã mồ côi cha mẹ, phải đi ở, chăn trâu cho nhà chủ là Đình Dự ở Sách Bông¹.

Nhận xét về hoàn cảnh lúc nhỏ của Đình Bộ Lĩnh.

Hằng ngày, Bộ Lĩnh cùng trẻ chăn trâu trong làng tụ tập ở động Hoa Lư², bẻ hoa lau làm cờ, rồi lũ trẻ xếp hàng hai chông kiệu nghênh rước Bộ Lĩnh như nghi lễ triều đình. Bốn người bạn “đồng lân đồng Giáp Thân”³ là Đình Điền, Nguyễn Bạc, Lưu Cơ, Trịnh Tú được Bộ Lĩnh giao cho làm “tứ trụ triều đình”. Đình Bộ Lĩnh thường lấy trâu làm ngựa cưỡi, lấy tre nứa làm cung đao, lấy hoa lau làm cờ, lấy mõ trâu, tù và làm hiệu lệnh. Khi đánh trận giả với trẻ chăn trâu ở Nga My, quân của Đình Bộ Lĩnh cho trâu bơi dọc sông, còn người thì cưỡi lên lưng trâu như cưỡi trên thuyền chiến. Sau đó, thấy quân Nga My có thuyền thúng lợi hại, Bộ Lĩnh lại cho đan thuyền lá tre và giành chiến thắng.

Danh tiếng của Bộ Lĩnh và quân Hoa Lư nổi khắp vùng. Phụ lão các động, các sách nói với nhau: “Đứa trẻ này khí độ như thế, lớn lên tất sẽ làm nên tướng soái, nếu không cho con em mình về theo, sau này hối cũng

Lời phụ lão các động, các sách nói với nhau dự báo điều gì về cậu bé Đình Bộ Lĩnh?

¹ Sách Bông: Nay thuộc xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình.

² Động Hoa Lư: Một sơn động hiểm trở, hoang dã, có nhiều lau ở xã Uy Tế, Uy Viễn xưa, nay thuộc xã Gia Hưng, tỉnh Ninh Bình.

³ Đồng lân đồng Giáp Thân: Nghĩa là cùng làng, cùng tuổi Giáp Thân (924).

không kịp”. Bởi vậy, mọi người cho con em đến rất đông, rồi lập Đinh Bộ Lĩnh làm trưởng động Hoa Lư.

Sau khi đánh thắng được trẻ chăn trâu các làng khác, cả một vùng rộng lớn do trẻ Hoa Lư làm chủ, Đinh Bộ Lĩnh liền bắt con trâu to nhất đàn của chú để khao quân. Chiếc nồi lớn làm bằng da trâu trát¹ bùn được căng trên bốn chiếc cọc và đổ nước vào đun. Khi nước sôi, lũ trẻ dùng lưỡi hái cắt thịt trâu luộc chín, vớt ra bày trên lá chuối rừng. Gạo tẻ, gạo nếp do lũ trẻ góp lại được bỏ vào trong các ống bương, ống luông² tươi chứa nước, trát đất kín, nướng trên ngọn lửa. Cỗ được bày ra trên các tấm lá chuối rừng làm mâm, rồi đặt trên phiến đá to làm bàn thờ, hai bên cắm hai hàng cờ lau, hương là những đoạn cây trầm đốt nghi ngút. Đinh Bộ Lĩnh cho quân xếp thành mười hàng, tượng trưng cho mười đạo quân thiên tử, trước bàn thờ tuyên thệ:

– Chúng ta nguyện sống chết có nhau, quyết lấy ruộng đồng, bãi cỏ bốn phương để người động Hoa Lư làm chủ.

Tiếng thè, tiếng reo hò của lũ trẻ âm vang vách núi. Chúng công kên³ Bộ Lĩnh rồi vác cờ lau, khí giới bằng tre gỗ, đi hàng hai như rước ông hoàng.



Khao quân xong, để đối phó với chú, Bộ Lĩnh lấy đuôi trâu cắm xuống lỗ nẻ⁴ ở ruộng, chạy về nói dối chú là trâu đã chui xuống dưới đất. Người chú tưởng thật, hốt hải chạy ra, cố sức nắm đuôi trâu kéo lên. Trâu chẳng thấy đâu mà chú ngã chổng gọng ra giữa ruộng.

Biết cháu thịt mất trâu, Đinh Dự nổi giận đùng đùng, vác gươm đuổi cháu để trị tội. Bộ Lĩnh ráng sức chạy, chạy mãi, chạy mãi mà chú vẫn đuổi riết đằng sau. Đến bờ sông Cái, cùng đường không còn lối chạy, Bộ Lĩnh chợt nhớ trong số trẻ chăn trâu có đứa tên là Long, nhà ở bãi sông, bố làm nghề chõ dò ngang trên sông, liền gọi lớn:

– Long ơi Long, cứu ta với, nhanh chớ ta qua sông!

Bộ Lĩnh vừa dứt lời, chẳng thấy Long đâu, khúc sông bỗng nổi sóng cồn, một con rồng lớn hiện lên, hụp đầu ba lần như vái chào, vâng lệnh ghé lưng vào bờ đón Bộ Lĩnh. Bộ Lĩnh ung

Điều gì xảy ra khi Bộ Lĩnh chạy tới bờ sông Cái?

¹ Trát: Phết, phủ một lớp bên ngoài để che chắn cho kín.

² (Ông) bương, (ông) luông: Loại cây thuộc họ tre, thường xuất hiện nhiều ở các tỉnh miền núi phía bắc.

³ Công kên: Khiêng, công trên vai.

⁴ Lỗ nẻ: Các lỗ xuất hiện ở đất, ở gỗ do bị nứt.

dung bước lên lưng rồng qua bờ sông kia. Người chú thấy vậy, vừa kinh sợ, vừa cảm phục cháu, lúc ấy mới biết cháu mình là thiên tử giáng sinh. Chú cắm thanh gươm bên chân núi, quỳ trên bờ sông vái lạy cháu, đến lúc ngẩng đầu lên không thấy cháu đâu nữa mới lững thững quay về nhà thì trời đã chập choạng tối.

Đến nay, con đường chú đuổi cháu gọi là đường Tiến Yết. Hằng năm mở hội, nhân dân vẫn rước kiệu, tế cờ, tế kiếm từ động Hoa Lư về gò Bồ Đề¹, qua sông Cái về đền vua Đinh ở Trường Yên. Dòng sông Cái có rồng vàng nổi lên cứu vua từ đó gọi là sông Hoàng Long (Rồng Vàng). Núi chú cắm gươm lạy cháu gọi là núi Cắm Gươm². Dải ruộng dưới chân núi Cắm Gươm gọi là Kiếm Điền.

(Theo Trương Đình Tường, *Địa chỉ văn hoá dân gian Ninh Bình*, NXB Thời đại, Hà Nội, 2012)

2.1.2. Câu hỏi đọc hiểu

Câu 1. Truyền thuyết thường liên quan đến sự thật lịch sử. Theo em, *Sự tích sông Hoàng Long* liên quan đến sự thật lịch sử nào?

Câu 2. Tìm các chi tiết trong truyện cho thấy từ nhỏ Đinh Bộ Lĩnh đã có tư chất của người thủ lĩnh.

Câu 3. Trong các chi tiết kể về Đinh Bộ Lĩnh, em ấn tượng với chi tiết nào nhất? Vì sao?

Câu 4. Em hãy chỉ ra và phân tích giá trị của các yếu tố kì ảo trong truyện.

Câu 5. Nêu ý nghĩa của truyền thuyết *Sự tích sông Hoàng Long*.

Em cần nhớ:

- Bằng việc làm nổi bật hình tượng Đinh Bộ Lĩnh tuổi nhỏ mà chí lớn, tài cao, kết hợp với các chi tiết kì ảo đặc sắc, truyện đã thể hiện lòng tự hào của nhân dân Ninh Bình về vùng đất địa linh nhân kiệt.
- *Sự tích sông Hoàng Long* giải thích lịch sử bằng cảm quan, tư tưởng của nhân dân; thể hiện cảm xúc tôn vinh, ngợi ca người anh hùng dân tộc Đinh Bộ Lĩnh.

¹ Gò Bồ Đề: Thuộc xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình, tương truyền là nền nhà Đinh Bộ Lĩnh hồi còn nhỏ.

² Núi Cắm Gươm: Nay thuộc xã Đại Hoàng, huyện Gia Viễn.

2.2. Văn bản 2

2.2.1. Đọc văn bản

CƯỜNG BẠO ĐẠI VƯƠNG

(Truyện cổ tích)

Ngày xưa ở đất Thiên Bản có một chàng trai nghèo khổ tên là Bạo. Bố mất sớm, chàng sống cùng mẹ trong ngôi nhà tranh vách đất xiêu vẹo. Người mẹ mỗi ngày một già yếu, chàng phải làm lụng vất vả, nuôi nấng và chăm sóc mẹ. Ngoài việc cày thuê cuốc mướn, cũng chẳng mấy khi có việc, chàng thường lợi đồng dọc theo ngòi, ao chuôm bắt con cua, con cá, mớ tôm, mớ tép ra chợ đổi gạo, nuôi mẹ, nuôi thân. Được cái tính thảo, mỗi khi bắt được cá ngon, tôm càng, trai to, cua béo, chàng thường dành một phần mời thần bếp cùng ăn. Và vì được ăn uống thường xuyên, nên sau khi trà dư tửu hậu, không khỏi có lúc thần bếp tiết lộ thiên cơ¹ với chàng.

Một bữa, thần bếp nói: Chẳng hiểu chàng có việc gì cãi lại mẹ, như thế là mang tội bất hiếu, Thiên đình biết được, Ngọc Hoàng Thượng đế quyết định trừng phạt chàng. Chàng hỏi: Trời sẽ trừng phạt thế nào? Thần bếp nói: Trời sai Thiên lôi, mà Thiên lôi thường hay xuất kì bất ý² nhất là ban đêm, nhảy xuống mái nhà, vung búa tầm sét trị kẻ có tội. Vậy nên, ban đêm đông gió hãy ít đi xa, lại kiếm nước tron vẩy lên mái nhà, Thiên lôi nhảy xuống sẽ trượt ngã, không làm gì được. Nghe vậy, chàng mua dầu trộn lẫn với lá mỏng toi già nhỏ, quét lên mái nhà. Đêm ấy trời mưa, Thiên lôi nhảy xuống, trơn trượt, ngã nhào xuống sân. Chàng đã nấp sẵn, từ trong góc nhà chạy ra, cứ thế vung cây gậy tre đục quật vào đầu, vào lưng Thiên lôi. Bị đánh tới tấp mặt mũi, vô cùng hoảng hốt, Thiên lôi bỏ cả búa tầm sét, bay về trời. Chàng Bạo nhặt búa của Thiên lôi, khoe chiến công với mọi người. Và từ đấy càng thân với thần bếp.

Thiên lôi bỏ chạy mất búa, bay lên Thiên đình cúi đầu chịu tội. Ngọc Hoàng cả giận, liền sai thủy thần (thần nước) trợ giúp, cùng với Thiên lôi quyết trị tội chàng Bạo.



Hoàn cảnh xuất thân và tuổi thơ của Bạo có gì đặc biệt?

Nghe lời thần bếp, Bạo đã chuẩn bị những gì để đối phó với Thiên lôi?

¹ Tiết lộ thiên cơ: Để lộ ra những bí mật của trời đất hoặc vận mệnh vốn không cho người thường biết.

² Xuất kì bất ý: Bất ngờ, đột nhiên, hành động lúc người ta sơ hở.

Được thần bếp rỉ tai, bày kế, chàng Bạo quyết chống lại trời. Không để mẹ biết, chàng ra vườn chặt hết các cây chuối lớn, kết lại thành chiếc bè to, lấy tre dựng lều trên bè, lấy lá chuối lợp mui, trên quét nước mỏng tơi trộn lẫn dầu trầu, dầu lạc, dầu vừng. Trong lều trữ sẵn thức ăn. Chàng lại mua giấy ngũ sắc¹ làm thành những lá cờ đuôi nheo, giăng bốn xung quanh, cùng lá cờ đại cắm ở trước lều. Ngoài cây gậy tre, chàng còn mang theo một chiếc trống lớn và mấy cái chiêng.

Liệt kê những việc làm của Bạo để chống lại Trời.

Đúng như thần bếp báo trước, đêm hôm ấy trời mưa như trút, nước dâng cao, ngập cả mái nhà, mọi người khôn khéo chạy lụt. Cường Bạo cùng mẹ ung dung trên bè chuối. Chàng gióng trống, khua chiêng, múa gậy, luôn miệng hét lớn, phen này quyết đấu với trời. Nước dâng lên đến cổng trời, Ngọc Hoàng đang ngồi đánh cờ với chư tiên, vội sai lính ra xem có việc gì mà chiêng trống âm ỉ. Từ cổng trời, lính hầu thất kinh chạy về bẩm báo: có chàng trai lực lưỡng, tay múa gậy tre, tay khua chiêng trống, ngồi trên bè chuối cắm cờ ngũ sắc, miệng hét: “Ta là Cường Bạo, phen này quyết xông lên đánh trời”. Biết rõ cơ sự, Ngọc Hoàng kịp sai thủy thần rút nước cho bè hạ xuống và lệnh cho Thiên lôi chờ dịp khác.

Chiến thắng trở về, Cường Bạo càng kiêu hãnh, không coi Trời ra gì. Còn thần bếp do tiết lộ thiên cơ, cùng với thủy thần, Thiên lôi đều bị Trời khiển trách.

Thiên lôi vô cùng căm uất, lập tâm sát hại Cường Bạo. Một hôm trời quang mây tạnh, Cường Bạo đang trên đồng, Thiên lôi bất ngờ từ một đám mây nhào xuống, vung búa tầm sét giết chết Cường Bạo. Qua một đêm, mối đã xông kín tạo thành một nấm mồ cho Cường Bạo. Ai nấy đi qua đều tỏ lòng thương xót, bỏ một viên đá, một nắm đất khiến mộ Cường Bạo ngày một to, thành gò ông Bạo linh thiêng.

Thiên lôi đã trả thù Bạo như thế nào?

Đời sau nhân dân lập trên gò đó một ngôi đền thờ. Đền được vua Lê Hoàn ban sắc “Nhân từ hiếu thuận tế thể an dân Cường Bạo Đại vương linh từ². Ngày nay ở làng Bối La huyện Vụ Bản³ vẫn còn ngôi đền thờ Cường Bạo Đại vương. Ngày rằm, mùng một, mọi người vẫn thường hương đăng⁴ cúng tế.



Hình 3.3. Đền thờ Đức Bạo Đại vương ở làng Bối La, xã Minh Tân, tỉnh Ninh Bình

(Theo Nguyễn Đồng Chi, *Địa chí văn hoá dân gian Ninh Bình*, NXB Thời đại, Hà Nội, 2012)

¹ Giấy ngũ sắc: Giấy có màu xanh, đỏ, tím, vàng, đen; dùng để làm cờ hoặc đồ hàng mã.

² Nghĩa là ngôi đền linh thiêng thờ Cường Bạo Đại vương, con người nhân từ, hiếu thuận giúp đỡ nhân dân.

³ Làng Bối La huyện Vụ Bản: Nay thuộc xã Minh Tân, tỉnh Ninh Bình.

⁴ Hương đăng: Hương và đèn.

2.2.2. Câu hỏi đọc hiểu

- Câu 1.** Một trong những kiểu nhân vật của truyện cổ tích là người bất hạnh mà hiểu hạnh. Em hãy tìm các chi tiết thể hiện đặc điểm đó ở nhân vật Cường Bạo.
- Câu 2.** Cuộc đối đầu giữa nhân vật Cường Bạo với Thiên đình được dân gian tưởng tượng qua các chi tiết kì ảo nào?
- Câu 3.** Việc Cường Bạo chiến thắng Thiên lôi và thủy thần giúp em hiểu gì về nhân vật này?
- Câu 4.** Theo em, qua truyện *Cường Bạo Đại vương*, tác giả dân gian muốn gửi gắm ước mơ gì?
- Câu 5.** Kết thúc câu chuyện không “có hậu” như nhiều truyện cổ tích khác. Em hãy chia sẻ suy nghĩ về kết thúc đó.

Em cần nhớ:

- *Cường Bạo Đại vương* ngợi ca phẩm chất cao quý của người lao động: chăm chỉ, hiếu thảo, dũng cảm và mưu trí. Qua đó, truyện gửi gắm ước mơ chế ngự thiên tai và nhắc nhở con người không nên cao ngạo trước chiến thắng.
- Cốt truyện li kì, hấp dẫn; chi tiết kì ảo sống động; hình tượng nhân vật vừa đời thường vừa phi thường; kết thúc độc đáo;... là những yếu tố làm nên sức hấp dẫn cho câu chuyện.

2.3. Đọc mở rộng

2.3.1. Đọc văn bản

CHÀNG CÔI VÀ NÀNG CHIM SÁO

(Truyện cổ tích)

Ngày xưa, ở làng kia có một chàng trai nghèo khổ, côi cút. Do mồ côi từ khi mới ba tuổi nên chàng không biết mặt cha mẹ, cũng không rõ tên thật của mình là gì, chỉ thấy người ta gọi mình là Côi¹. Lâu dần, chàng cũng tự nhận Côi là tên của mình. Lên năm tuổi, Côi đã phải đi chăn dê cho gia đình phú ông² cùng làng. Nhà phú ông có tới hàng trăm mẫu ruộng nước, vài chục mẫu nương, ba chục con trâu, cùng đàn dê hơn trăm con. Công việc của Côi hằng ngày là lừa dê lên núi

¹ Côi: Ý chỉ đứa trẻ mồ côi, không cha mẹ.

² Phú ông: Người đàn ông giàu có ở nông thôn thời trước.

chăn thả, sớm đi tối về, không được để mắt con nào. Bữa cơm trưa của Côi thường là nắm cơm nguội, nước uống đã có sẵn dưới suối khe, cần nghỉ thì mắc võng giữa các cành cây, tối đến lại trở về túp lều cạnh chuồng dê. Cuộc sống vất vả, khổ cực nhưng được thả mình giữa cỏ cây, chim thú nên Côi cũng cảm thấy bớt đi nỗi cô đơn.

Ngày qua, tháng lại, thời gian thấm thoát thoi đưa, Côi đã trở thành chàng trai mười bảy tuổi, khoẻ mạnh, rắn rỏi. Một hôm, chàng lừa dê lên núi, rồi mắc võng nằm nghỉ.

Đang thiu thiu, bỗng chàng nghe có tiếng chim sáo kêu bên tai. Chàng bừng tỉnh dậy thì thấy có con chim ưng to đang đậu gần đây. Côi sực nghĩ, có lẽ con sáo này bị con chim ưng săn đuổi nên sợ hãi, nấp vào chỗ chàng, kêu cứu. Nghĩ thế, chàng cầm hòn đá ném mạnh về phía con chim ưng khiến nó hoảng sợ, bay vụt đi. Thế là con chim sáo thoát nạn. Nó nhìn Côi, hót mấy tiếng líu lo như để cảm ơn. Côi nhìn chim sáo, bảo:

– Tôi đã giúp chim thoát nạn rồi, chim mau về tổ đi!

Nói đoạn, chàng cầm chim sáo, tung lên. Con sáo bay vòng một hồi, rồi lại đậu xuống vai Côi. Ngạc nhiên, Côi lại giục:

– Kìa, chim bay về tổ đi! Tôi đã đuổi con ác điều đi rồi.

Vừa nói, chàng vừa tiếp tục cầm chim sáo, tung lên. Chim sáo bay đi một đoạn rồi lại bay đến đậu ở vai chàng. Côi rất ngạc nhiên, chàng nói với chim như nói với người bạn:

– Sao chim không bay đi? Hay là chim thương tôi cô cút, đơn độc, muốn sống cùng để chia sẻ nỗi buồn với tôi?



Lời Côi vừa dứt, chim sáo hót lia lịa, vẻ như đồng tình với chàng. Tối hôm ấy, Côi đưa chim sáo về túp lều của mình. Túp lều nhỏ dường như ấm cúng hẳn lên. Từ đó, cứ sáng sớm Côi và chim sáo lại lừa dê lên núi, tối lừa dê về chuồng. Côi không còn phải lủi thủi như trước nữa.

Một buổi sáng, sau khi đã lừa dê lên núi, Côi và chim sáo đang ngồi thủ thỉ, bỗng nhiên chim sáo hót mấy tiếng rồi vụt bay đi. Côi nghĩ, chim trở về xứ sở của nó thì cũng tốt, chẳng nên tiếc nuối làm gì. Làm kiếp chim mà tự do thì còn hơn làm kiếp người bị trói buộc. Kiếp người như kiếp chàng cũng chẳng sung sướng gì.

Chiều hôm đó, như thường lệ, Côi lừa dê về chuồng. Công việc xong xuôi, chàng vào túp lều của mình, định lấy gạo và niêu đất ra thổi cơm ăn bữa tối. Bỗng chàng thấy trên chõng tre đã để sẵn mâm cơm rất ngon. Chàng thấy rất lạ lùng, thậm chí không biết ai đã cho mình cơm canh. Đang tần ngần suy nghĩ thì chàng

nghe thấy tiếng hót quen thuộc. Chim sáo bay vụt đến đậu trên vai chàng, kêu những tiếng lanh lót vui tươi như mời mọc chàng. Đang đói, Côi ngồi vào chõng ăn cơm ngon lành, dù trong thâm tâm vẫn thấy lạ lùng và lo lắng.

Sáng hôm sau, Côi và chim sáo lại lùa dê lên núi chăn thả. Chim sáo lại bay đi mất. Chiều tối khi về, Côi lại thấy mâm cơm ngon lành trên chõng tre. Chàng lại thấy chim sáo bay đến đậu trên vai, cất tiếng hót như mời mọc ân cần. Bụng đói, cho nên dù không rõ mâm cơm ở đâu, chàng vẫn cứ ăn uống tự nhiên.

Những ngày sau đó, sự việc cứ lặp lại như thế, khiến Côi sinh nghi. Chàng thâm nghĩ, có điều gì đó cần phải tìm hiểu nguồn gốc sự việc mới được. Sáng hôm sau, chàng và chim sáo lại lùa dê lên núi. Chim sáo tiếp tục bay đi. Côi vẫn bình thản như không có chuyện gì xảy ra. Quá trưa, sang chiều, Côi để dê lại trên núi, lẳng lặng đi về lều của chàng. Tới nơi, chàng rón rén, khẽ gạt kẽ liếp ra, nhìn vào trong lều. Vừa nhìn, chàng tưởng là mình hoa mắt. Trước mặt chàng là cô gái trẻ đẹp như tiên, đang nấu cơm, làm thức ăn. Cạnh chõng có cái vỏ con chim sáo. Chàng chợt hiểu người thiếu nữ kia từ đâu tới. Không kìm được sung sướng, chàng xô cửa xông vào, nắm lấy tay cô gái và nói:

– Nàng là ai? Từ đâu đến? Vì sao nàng lại có lòng tốt thổi cơm canh cho tôi ăn?

Cô gái mặt đỏ ửng, e thẹn, cúi đầu trả lời:

– Thiếp là tiên nữ, con gái sơn thần cai quản vùng đồi núi này. Hôm trước, thiếp mượn vỏ sáo đi chơi, thăm thú cảnh non sông, nào ngờ bị con ác điều săn đuổi. May mà thiếp gặp chàng, được chàng cứu thoát. Cảm vì công ơn ấy, thiếp nguyện ở lại nâng khăn sửa túi¹ cho chàng. Ý chàng thế nào, xin cho thiếp biết?

Côi trả lời, vẻ ngần ngại, xúc động:

– Chẳng giấu gì nàng, tôi tên là Côi, cha mẹ mất sớm, cảnh nghèo khổ, phải đi chăn dê không công cho nhà phú ông. Được nàng yêu thương, tôi rất cảm động. Nhưng số kiếp tôi khổ cực, chỉ sợ lại để hận cho nàng.

Cô gái – nàng Sáo, trả lời không do dự:

– Thiếp tự nguyện gắn bó với chàng, chứ có ai bắt buộc đâu. Khổ mấy thiếp cũng chịu được, miễn là vợ chồng thương yêu nhau.

Côi chẳng còn mong gì hơn. Từ đấy, họ trở thành vợ chồng, chung lưng làm lụng. Một buổi nọ, nàng Sáo bàn với chàng Côi:

– Thiếp nghĩ, chúng ta không thể suốt đời làm kẻ tôi tớ cho người khác, vì sau này chúng ta còn có con cái, phải tạo dựng tương lai cho chúng chứ. Nay chàng cần phải gặp phú ông, trả lại dê cho ông ta. Rồi chúng ta về quê chàng làm ăn, sinh sống.

¹ Nâng khăn sửa túi: Chỉ bổn phận của người vợ, theo quan niệm đạo đức phong kiến là phải chăm sóc, phục vụ chồng.

Thấy vợ bàn cũng phải, Côi đến nhà phú ông trao lại toàn bộ đàn dê, rồi vợ chồng dắt nhau về quê nội. Buổi đầu, họ kiếm tre, nứa dựng tạm túp lều để ở. Cuộc sống đầm ấm, nhưng cũng vô vàn khó khăn vì cái gì cũng thiếu. Côi phàn nàn với vợ:

– Biết thế này, chúng ta cứ đi ở chăn dê cho nhà phú ông cho xong. Khó nhọc nhưng chẳng phải lo thứ gì.

Nàng Sáo động viên, an ủi chồng:

– Chàng chớ tính quẩn, lo quanh! Thiếp là con sơn thân, thứ gì muốn mà chả được. Nhưng phải là thứ của cải do bàn tay mình làm ra thì mới lâu bền, còn của cải tự nhiên có đâu là phù vân¹ cả. Chả nên kì vọng nhiều vào thứ của cải ấy.

Nói xong, nàng lấy cái trâm cài đầu ném lên không trung. Vài phút sau, trâu, bò, dê từ trên núi kéo về đông đúc. Túp lều của vợ chồng nàng cũng biến mất, thay vào đấy là ngôi nhà lầu sang trọng, có cả người giúp việc. Cuộc đời Côi thay đổi hẳn, từ chỗ không có gì đến chỗ cái gì cũng có. Năm sau, vợ chàng lại sinh đôi, một trai, một gái. Cuộc đời tưởng không còn gì mãn nguyện hơn.

(Nghe lời khuyên cùng sự giúp đỡ của vợ, chàng Côi dùi mài đèn sách đi thi, chàng đỗ trong kì thi Hương và được bổ làm Tri huyện. Nhưng từ đó, chàng Côi bắt đầu thay lòng đổi dạ, ruồng rẫy vợ con, không trở về quê cũ. Nàng Sáo khuyên giải chồng không được. Giận chồng, nàng cùng con bỏ đi,... Chàng Côi, về sau, do phạm nhiều tội, bị triều đình cách chức).

Bị đuổi ra khỏi huyện đường, Côi thất thểu về quê cũ, hi vọng sẽ được nương nhờ vợ con. Nhưng khi về tới nơi, Côi chẳng gặp vợ con, chỉ thấy sân rêu, nhà mọc. Hỏi láng giềng, Côi biết được vợ chàng – tức nàng Sáo, đã đưa các con vào rừng từ lâu lắm rồi. Côi vội vàng chạy vào rừng, leo lên ngọn núi trước đây chàng vẫn chăn dê và hội ngộ với nàng Sáo, hi vọng tìm được người thân. Thật đáng buồn, đối diện với chàng chỉ có non xanh nước biếc, không có bóng dáng con người. Chàng cất tiếng gọi nàng Sáo, song chỉ có tiếng vọng của rừng xanh nhại lại chàng.

Buồn chán, tuyệt vọng, Côi ngồi gục đầu lên tảng đá ven suối, thổn thức khóc, oán trách số phận. Lâu dần, chàng hoá thành tảng đá hình người, nằm chơ vơ bên suối. Dân gian gọi đó là tảng đá mồ côi. Ngày nay, dân Lạt Sơn² đi làm rừng về,



¹ Phù vân: Nghĩa gốc là đám mây thoảng nổi lên rồi tan ngay; thường dùng để ví cái không lâu bền, vừa có được lại mất ngay.

² Lạt Sơn: Nay là tổ 9, phường Phù Vân, tỉnh Ninh Bình.

thường ngồi nghỉ bên cạnh hòn đá to, nhẩn ở ven suối. Họ kể cho nhau nghe về sự tích chàng mồ côi thời xưa và kết cục bi đát mà chàng ta phải gánh chịu do tính cách học đòi, bội bạc, tham vàng bỏ ngãi¹ mà chính bản thân gây nên.

(Theo Lê Hữu Bách sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu,
Truyện dân gian Kim Bảng, Tập II, NXB Dân trí, 2010)

2.3.2. Câu hỏi đọc hiểu

- Câu 1.** Tìm những chi tiết kể về cuộc đời chàng Côi từ lúc còn nghèo khổ đến khi gặp và kết duyên với nàng Sáo. Em có nhận xét gì về nhân vật chàng Côi?
- Câu 2.** Khi kết duyên với chàng Côi, nàng Sáo đã làm những gì để vun vén hạnh phúc gia đình?
- Câu 3.** Liệt kê những chi tiết kì ảo trong truyện và nêu ý nghĩa của những chi tiết đó.
- Câu 4.** Em có suy nghĩ gì về kết cục của chàng Côi? Qua đó, tác giả dân gian muốn gửi gắm điều gì?
- Câu 5.** Cách kết thúc truyện *Chàng Côi và nàng chim Sáo* có gì khác so với các truyện cổ tích mà em đã học, đã đọc?

C. LUYỆN TẬP

1. Nhận xét về cách ứng biến của Đinh Bộ Lĩnh và đám trẻ chăn trâu động Hoa Lư khi chơi trò cờ lau tập trận. Qua đó, em rút ra bài học gì cho bản thân khi gặp những tình huống bất ngờ trong cuộc sống?
2. Hãy nêu suy nghĩ về thông điệp nhân văn mà truyện cổ tích *Cường Bạo Đại vương* gửi gắm.
3. Viết một đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về một trong hai nhân vật chính của hai văn bản Đọc hiểu trên.

D. VẬN DỤNG

1. Theo em, giá trị của truyền thuyết và cổ tích còn phù hợp với xã hội hiện đại không? Vì sao?
2. Hãy sáng tác một đoạn kết mới cho một trong hai truyện và lí giải thông điệp mà em muốn gửi gắm.
3. Sưu tầm một số truyện dân gian, tranh ảnh về những người anh hùng của quê hương Ninh Bình.

¹ Tham vàng bỏ ngãi: Ý chê trách kẻ vì tham lợi mà không giữ trọn tình nghĩa.

Chủ đề 4

CÁC DÒNG HỌ Ở NINH BÌNH

Bài 1. VĂN HOÁ DÒNG HỌ Ở NINH BÌNH

Học xong bài này, em sẽ:

- Kể tên được một số dòng họ ở Ninh Bình.
- Biết được một số đặc điểm của dòng họ.
- Hiểu được ý nghĩa của dòng họ trong đời sống của mọi người.

A. MỞ ĐẦU

Ninh Bình là vùng đất cổ đô, dân cư tụ hội sinh sống ở nơi đây từ rất lâu đời. Ninh Bình có nhiều dòng họ gắn liền với lịch sử hình thành, phát triển của dân tộc, luôn đồng hành cùng dân tộc trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, như: họ Đinh, họ Trương, họ Nguyễn, họ Đào, họ Phạm, họ Đặng, họ Vũ, họ Trần, họ Lê,...



Hình 4.1. Nhà thờ Đại tộc dòng họ Nguyễn Tử (phường Hoa Lư)

Em hãy cùng các bạn tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn?": Kể tên những danh nhân của các dòng họ ở Ninh Bình?

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Dòng họ – nơi thể hiện giá trị văn hoá truyền thống

Dòng họ là toàn thể những người có cùng huyết thống, có cùng tổ tiên, làm thành các thế hệ nối tiếp nhau. Mỗi dòng họ thường bắt nguồn từ một vị thủy tổ – thường là người có công “khai sơn phá thạch”, khởi đầu cho dòng họ tại một

khu vực nhất định. Theo thời gian, dòng họ có thể sinh sôi nảy nở, bao gồm nhiều chi ngành, thế hệ nối tiếp thế hệ. Thông thường, trên một địa bàn có nhiều dòng họ sinh sống, và cũng có dòng họ sinh sống ở nhiều nơi.

Nhiều dòng họ ở Ninh Bình tuy lịch sử hình thành và quy mô khác nhau nhưng đều có bề dày lịch sử và những nét đẹp văn hoá truyền thống, như: tính cộng đồng, tính tự quản cao; có nền nếp, thuận hoà, kính trên nhường dưới; có tôn ti trật tự trong dòng họ;...

Hãy kể tên một số dòng họ ở địa phương em.

Dòng họ Nguyễn Tử được khởi tổ tại làng Thư Điền (phố Thượng Bắc, phường Hoa Lư), có lịch sử trải qua 14 đời, hiện có nhiều chi, hệ và là dòng họ nổi tiếng với nhiều nhân vật khoa bảng hiển đạt. Từ xa xưa, họ Nguyễn Tử đã gắn với tên làng Thư Điền. Thư Điền có tiếng là “đất học”, làng rất coi trọng việc học và khuyến học rất sớm. Từ thế kỉ XVIII, dòng họ đã có cụ Nguyễn Tử Dự (1712 – 1779)



Hình 4.2. Nhà thờ danh nhân Nguyễn Tử Mẫn (phường Hoa Lư)

làm đến chức Tham nghị thời Hậu Lê; Nguyễn Tử Mẫn (khoảng 1810 – 1901) là một nhà nghiên cứu về lịch sử – địa lí, một người thầy – nhà giáo mẫu mực, tích lũy nhiều kiến thức để mở trường dạy học, truyền đạt tri thức cho thế hệ sau. Tại phường Hoa Lư, nhà thờ danh nhân Nguyễn Tử Mẫn (Hình 4.2) được xếp hạng là Di tích Lịch sử văn hoá cấp tỉnh, và tên ông cũng được đặt cho một con đường tại đây.

Văn hoá dòng họ ở Ninh Bình là các giá trị vật chất và tinh thần mà các dòng họ ở Ninh Bình đã tạo ra trong lịch sử. Văn hoá dòng họ bao gồm những giá trị vật thể (bia kí, gia phả, từ đường, lăng mộ,...) và giá trị phi vật thể (truyền thống của dòng họ, hương ước dòng họ, việc thờ cúng tổ tiên và nghi lễ,...) của mỗi dòng họ, thể hiện mối quan hệ giữa các thành viên trong dòng họ, giữa dòng họ với xã hội.

Em có biết?

Gia phả là bản ghi chép tên họ, năm sinh, năm mất, vai trò và công đức của cha mẹ, ông bà, tiên tổ và mộ phần. Đây có thể được coi như một bản sử kí của một gia đình hay một dòng họ.



Hình 4.3. Gia phả dòng họ Trương (xã Lai Thành)

1. Em hãy kể tên một số đồ vật thường được lưu giữ trong nhà thờ họ. Nêu ý nghĩa của những đồ vật đó.
2. Em hãy tìm hiểu và tạo sản phẩm (bài thuyết trình, tranh, ảnh, video clip,...) giới thiệu một trong những giá trị văn hoá (vật thể hoặc phi vật thể) của dòng họ ở địa phương em.

Em có biết?

Nhà thờ họ hay từ đường là một ngôi nhà dành riêng để thờ cúng tổ tiên, các vị có công bảo vệ và xây dựng đất nước hoặc đỗ đạt khoa cử, làm rạng danh của một dòng họ hay từng chi họ. Đây không chỉ là nơi thờ phụng tiên tổ, gìn giữ gia phong, mỹ tục mà còn là sợi chỉ xuyên suốt, gắn kết tình cảm anh em dòng tộc, nhân dân trong làng; là nơi vinh danh con cháu đỗ đạt cho lớp lớp cháu, con phấn đấu. Trong nhà thờ họ còn lưu giữ nhiều đồ thờ có tính lịch sử, niên đại, làm tăng thêm giá trị nghệ thuật cho di tích, trong đó tiêu biểu là ngai thờ, bài vị, đại tự với những đường nét trạm trổ tinh xảo.



Hình 4.4. Nhà thờ dòng họ Trần (xã Hải Hưng)

Không chỉ có ý nghĩa với mỗi dòng họ mà nhiều nhà thờ còn góp vai trò quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, giành độc lập dân tộc. Trong thời kì chống thực dân Pháp, nhà thờ còn là nơi nuôi giấu cán bộ, tổ chức các cuộc họp bí mật của cán bộ cách mạng, nơi tổ chức các lớp bình dân học vụ, xoá mù chữ cho nhân dân địa phương. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhà thờ là nơi cất giấu vũ khí, đạn dược cho bộ đội.

2. Ý nghĩa của dòng họ trong đời sống của mọi người

Ở Việt Nam, dòng họ có vai trò quan trọng, góp phần tạo nên cộng đồng làng, xã và đất nước. Dòng họ là nơi liên kết tinh thần thiêng liêng, liên kết tâm hồn người Việt Nam nói chung và người Ninh Bình nói riêng, giúp con người gắn bó, yêu thương, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, hướng tới nguồn cội và phát huy truyền thống dân tộc. Dòng họ còn là cơ sở để duy trì quan hệ đạo đức trong gia đình, góp phần củng cố nền tảng cho sự ổn định và phát triển của xã hội.

1. Em hãy sưu tầm và chia sẻ những câu ca dao, tục ngữ về tình cảm gia đình, dòng họ.
2. Nêu những hoạt động của các dòng họ ở địa phương em. Theo em, những hoạt động đó có ý nghĩa như thế nào?

Em có biết?

Tết Nguyên đán cổ truyền là dịp các thành viên trở về nhà sum vầy, đầm ấm cùng người thân. Đây cũng là lúc dòng họ Trương tổ chức lễ Mừng thọ các cụ, giúp con cháu có cơ hội thể hiện tình cảm, sự biết ơn dành cho ông bà, cha mẹ. Ngày mừng 6 Tết đầu xuân năm mới, các cụ từ 80 tuổi trở lên sẽ được dòng họ tổ chức lễ Mừng thọ tại nhà thờ tổ. Vào ngày này, con cháu đều hướng về cha mẹ, ông bà. Các cụ hân hoan đón nhận những lời chúc, tình cảm và sự biết ơn của con cháu.



Hình 4.5. Con cháu họ Trương tổ chức lễ Mừng thọ các cụ Trương Thị Rèo (xã Lai Thành)

C. LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?
 - a. Chỉ có dòng họ lớn mới có vai trò quan trọng đối với xã hội.
 - b. Dòng họ là những người cùng chung sống với nhau trên một địa bàn.
 - c. Dòng họ nào cũng có văn hoá dòng họ.
 - d. Dòng họ giúp con người gắn bó, yêu thương, giúp đỡ nhau trong cuộc sống.
2. Mỗi năm học, bạn Hà đều giữ gìn sách giáo khoa thật cẩn thận để gửi cho các em trong dòng họ. Em hãy cho biết:
 - a. Việc làm của bạn Hà có ý nghĩa gì?
 - b. Em đã làm gì để giúp đỡ anh/ chị/ em của mình?

D. VẬN DỤNG

1. Hãy viết thư cho một người bạn và giới thiệu về những đặc điểm nổi bật của dòng họ em; chia sẻ những việc em đã làm để thể hiện tình cảm với dòng họ của mình.
2. Hãy viết cảm nhận của em về câu “Con người có tổ có tông/ Như cây có cội như sông có nguồn”.

Em cần nhớ:

Dòng họ là toàn thể những người có cùng huyết thống, có cùng tổ tiên, làm thành các thế hệ nối tiếp nhau. Ở Ninh Bình, nhiều dòng họ có bề dày lịch sử và lưu giữ được những nét đẹp văn hoá truyền thống. Dòng họ có vai trò quan trọng trong đời sống của mọi người.

BÀI 2. GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA GIA ĐÌNH VÀ DÒNG HỌ Ở NINH BÌNH

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được những truyền thống tốt đẹp của các dòng họ ở địa phương em.
- Có ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ bằng những việc làm cụ thể.

A. MỞ ĐẦU



Hình 4.6



Hình 4.7



Hình 4.8

Mỗi gia đình, dòng họ ở Việt Nam nói chung, ở Ninh Bình nói riêng đều có những truyền thống tốt đẹp. Giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ chính là tiếp nối, phát triển và làm rạng rỡ thêm truyền thống ấy.

Em hãy quan sát các hình ảnh bên và cho biết các hình ảnh đó thể hiện những truyền thống nào của gia đình, dòng họ ở Ninh Bình?

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Những truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ ở Ninh Bình

Truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ là những giá trị văn hoá, tinh thần được lưu truyền qua nhiều thế hệ của gia đình, dòng họ. Mỗi gia đình, dòng họ ở Ninh Bình đều có những truyền thống tốt đẹp về học tập, lao động, nghề nghiệp, văn hoá,... Những truyền thống đó được giữ gìn và phát huy cho đến ngày nay, cụ thể như: chung thủy, hiếu nghĩa, kính trên nhường dưới, yêu thương đùm bọc, yêu nước, hiếu học, đoàn kết,...

Hiếu học là một trong những niềm tự hào của các dòng họ. Nhờ học tập chăm chỉ, con cháu trong dòng họ thành đạt, làm ăn thuận lợi, từ đó góp phần cho gia đình ổn định, phát huy các giá trị đạo đức của dòng họ nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung.

1. Chia sẻ về những điều em tự hào về gia đình, dòng họ của mình.
2. Em hãy kể tên một số dòng họ có truyền thống hiếu học ở địa phương em. Họ đã làm gì để phát huy truyền thống hiếu học của dòng họ?

Em có biết?

Danh nhân văn hoá Trương Hán Siêu (?1275 – 1354) quê ở làng Phúc Am, huyện Yên Ninh, lộ Trường Yên (nay thuộc phường Hoa Lư), là nhà chính trị, nhà thơ, nhà sử học danh tiếng, học thức sâu rộng, giàu lòng yêu nước, được các vua tôn quý như bậc thầy. Ông từng giữ nhiều chức quan trải suốt bốn đời vua nhà Trần. Sau khi mất, ông được phong làm Thái phó và được thờ ở Văn Miếu Thăng Long, ngang với các bậc hiền triết thời xưa. Hiện nay, đền thờ của ông (Hình 4.9) được đặt dưới chân núi Non Nước, thuộc công viên Dục Thúy Sơn nằm bên sông Đáy ở phường Hoa Lư. Tên của ông được đặt cho nhiều con đường, trường học, các giải thưởng, học bổng cho những học sinh có thành tích học tập xuất sắc tại tỉnh Ninh Bình.



Hình 4.9. Đền thờ Danh nhân văn hoá Trương Hán Siêu

Truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ ở Ninh Bình còn được thể hiện qua việc giữ gìn và phát triển các nghề truyền thống. Các nghề truyền thống ở Ninh Bình đã hình thành, phát triển cùng với các thế hệ qua nhiều thế kỉ, được nhân dân coi là thành phần kinh tế – xã hội quan trọng, là việc giữ gìn và phát huy văn hoá truyền thống. Những nghề truyền thống ở Ninh Bình có thể nhắc đến như: nghề chạm khắc đá (phường Nam Hoa Lư); nghề gốm Bô Bát (xã Đồng Thái); nghề đúc đồng Tống Xá (xã Ý Yên), nghề uơng tơ Cỏ Chát (xã Ninh Giang), nghề trồng Đọi Tam (phường Tiên Sơn); nghề làm hàng cói (xã Phát Diệm);...

1. Nơi em ở có những nghề truyền thống nào? Bản thân em đã làm gì để phát huy nghề truyền thống ấy?
2. Em hãy tìm hiểu và chia sẻ về một số truyền thống tốt đẹp khác của gia đình, dòng họ ở Ninh Bình (nhân nghĩa, yêu nước,...).

Em có biết?

Làng nghề Đọi Tam từ lâu đã nổi danh là cái nôi của nghề làm trống truyền thống Việt Nam. Tiếng trống nơi đây không chỉ vang xa trong lễ hội, mà còn in dấu trong những sự kiện lớn của đất nước như Đại lễ 1.000 năm Thăng Long – Hà Nội. Danh tiếng ấy được bồi đắp qua hơn một nghìn năm lịch sử, bắt đầu từ khi hai vị tổ nghề làm trống đón vua Lê Đại Hành về cày ruộng tịch điền.

Nhưng điều làm nên sức sống bền bỉ của Đọi Tam không chỉ là quá khứ huy hoàng, mà chính là sự gìn giữ lặng thầm của các dòng họ trong làng. Nghề trống được trao truyền qua từng mái nhà, cha truyền con nối, anh dạy em học, mỗi gia đình như một “lò lửa” âm ỉ cháy suốt bao thế hệ. Từ khâu chọn gỗ mít, thuộc da trâu đến bưng mặt, căng dây, mọi bí quyết đều được giữ gìn cẩn trọng trong gia tộc. Các nghệ nhân tiêu biểu như Lê Ngọc Hùng, Phạm Chí Khang,... không chỉ là những người thợ tài hoa, mà còn là cầu nối giữa truyền thống và hiện đại. Họ vừa giữ chuẩn mực âm thanh cổ truyền, vừa truyền dạy kinh nghiệm cho lớp trẻ.

Nhờ sự gắn kết của các dòng họ, trống Đọi Tam hôm nay không chỉ có mặt trên khắp mọi miền đất nước mà còn vươn ra thị trường quốc tế. Danh tiếng của làng nghề vì thế luôn song hành cùng tinh thần gia tộc – nơi mỗi hồi trống vang lên là một lời khẳng định về truyền thống được gìn giữ. Tiếng trống Đọi Tam không chỉ là âm thanh của lễ hội, mà là nhịp đập của những gia đình bền bỉ giữ lửa nghề, để di sản nghìn năm vẫn tiếp tục ngân vang trong đời sống hôm nay và mai sau.



Hình 4.10. Nghệ nhân Phạm Chí Khang cùng sản phẩm trống Đọi Tam

2. Ý nghĩa của việc giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ ở Ninh Bình

Giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ là thể hiện lòng biết ơn những người đi trước, góp phần gìn giữ và phát huy văn hoá truyền thống của dân tộc.

Truyền thống gia đình, dòng họ có ảnh hưởng rất lớn đối với mỗi người, việc giữ gìn và phát huy truyền thống ấy là sức mạnh thúc đẩy các thế hệ sau không ngừng vươn lên để tiếp nối, làm rạng rỡ cho dòng họ và dân tộc. Từ đó, mỗi người trở nên tốt đẹp hơn, biết quan tâm, chia sẻ, tôn trọng và cảm thông với nhau, mỗi người có thêm kinh nghiệm và sức mạnh trong cuộc sống.

Đối với xã hội, việc giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ là cơ sở để duy trì quan hệ đạo đức trong gia đình, góp phần củng cố sự ổn định của xã hội.

1. Tại sao phải giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ?
2. Em hãy tìm hiểu, tạo sản phẩm (bài thuyết trình, tranh vẽ,...) và giới thiệu về nghệ truyền thống ở địa phương em.

Em có biết?

Làng gốm Bồ Bát xưa (nay là thôn Bạch Liên, xã Đồng Thái) vốn nổi danh cách đây hàng nghìn năm và được mệnh danh là hồn cốt của mảnh đất Ninh Bình. Một thời gian gốm Bồ Bát gần như bị mai một, thất truyền, nhưng với tình yêu nghề và nỗi niềm ấp ủ khôi phục thương hiệu gốm Bồ Bát nổi tiếng một thời của nghệ nhân Phạm Văn Vang (Hình 4.11), một người con dòng họ Phạm, nhiều năm miệt mài học nghề và nghiên cứu

thị trường, anh là người đầu tiên mở xưởng gốm mang thương hiệu Bồ Bát tại quê hương và nhiệt tình truyền dạy nghề cho người thân trong dòng họ Phạm cũng như người dân trong làng. Năm 2016, anh Phạm Văn Vang được trao tặng danh hiệu Nghệ nhân Ưu tú cấp Quốc gia vì có nhiều cống hiến trong việc giữ gìn và phát triển ngành nghề thủ công truyền thống.



Hình 4.11. Nghệ nhân Ưu tú Phạm Văn Vang cùng sản phẩm gốm Bồ Bát

C. LUYỆN TẬP

1. Những việc làm nào dưới đây thể hiện việc giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ?
 - A. Đầu xuân năm mới, con cháu cùng nhau đi chúc Tết các cụ cao niên trong dòng họ.
 - B. Định kì mỗi tuần, gia đình có một bữa ăn ở nhà hàng.
 - C. Con cháu đi tảo mộ cho ông bà tổ tiên vào dịp tiết Thanh minh hằng năm.
 - D. Hội Khuyến học trong dòng họ trao giải thưởng cho con cháu học giỏi, đỗ đạt cao.

2. Em hãy sưu tầm một số câu thành ngữ, tục ngữ mà cha mẹ, ông bà thường dùng để răn dạy con cháu về truyền thống gia đình, dòng họ.

3. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi:

An rất tự hào về nghề chạm khắc đá truyền thống của gia đình mình. An thường kể với các bạn, làm được một sản phẩm đòi hỏi nhiều công đoạn rất công phu và sự khéo léo của đôi bàn tay, mỗi sản phẩm được làm từ đá là một công trình nghệ thuật với những hình dáng, đường nét chạm trở tinh xảo, đẹp mắt,... An còn nói, ông cụ của An là “nghệ nhân chạm khắc đá” đã để lại cho con cháu nghề gia truyền này. Nghe kể, một số bạn nói: Nghề chạm khắc đá thì cũng bình thường mà, phải học giỏi, đỗ đạt cao hay phát minh ra cái gì đó thì mới đáng kể!

- a. Em có nhận xét gì về lời của một số bạn với An.
- b. Hãy nêu những giá trị của nghề truyền thống ở quê hương em.

D. VẬN DỤNG

1. Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về một truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ em?
2. Xây dựng kế hoạch cụ thể để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ em. (Yêu cầu: dự kiến thời gian, các bước thực hiện, biện pháp thực hiện, người có thể hỗ trợ...)

Em cần nhớ:

Mỗi gia đình, dòng họ ở Ninh Bình có những truyền thống tốt đẹp như: yêu nước, chống giặc ngoại xâm, đoàn kết, nhân nghĩa, hiếu học, tôn sư trọng đạo, nghề truyền thống,...

Các thế hệ con cháu cần phải tìm hiểu, học tập, tiếp thu để giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của dòng họ, gia đình nói riêng và đất nước nói chung.

Chủ đề 5

ÂM NHẠC TRUYỀN THỐNG Ở NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận biết được lịch sử hình thành, đặc điểm nghệ thuật của các thể loại âm nhạc truyền thống ở Ninh Bình: hát Chèo, hát Dặm (Dặm).
- Biết được các tuyến nhân vật trong Chèo và một số nhạc cụ gắn với âm nhạc truyền thống ở địa phương.
- Trải nghiệm và thể hiện được một vài làn điệu Chèo hoặc Dặm (Dặm) phù hợp lứa tuổi.
- Có thái độ yêu quý, trân trọng và ý thức gìn giữ, bảo tồn di sản âm nhạc truyền thống của quê hương.

A. MỞ ĐẦU

Em có biết trong các dịp lễ hội và sinh hoạt cộng đồng ở Ninh Bình xưa, âm nhạc truyền thống có những hình thức thể hiện nào và phục vụ những mục đích gì?

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Âm nhạc truyền thống trong đời sống văn hoá Ninh Bình

Ninh Bình nằm ở khu vực phía Nam đồng bằng sông Hồng, có không gian địa lý rộng lớn và đa dạng, bao gồm vùng núi đá vôi, trung du, đồng bằng châu thổ, hệ thống sông ngòi và vùng ven biển. Điều kiện tự nhiên phong phú đã góp phần hình thành đời sống văn hoá đa dạng, trong không gian văn hoá đó, âm nhạc truyền thống giữ vai trò quan trọng trong sinh hoạt cộng đồng của người dân.

Âm nhạc truyền thống ở Ninh Bình phong phú với nhiều loại hình dân gian, trong đó tiêu biểu là hát Chèo và hát Dặm (Dặm). Đây là những hình thức nghệ thuật gắn liền với lễ hội, sinh hoạt làng xã và đời sống thường ngày. Các làn điệu dân gian mộc mạc, sâu lắng, phản ánh tâm tư, tình cảm và nét đẹp văn hoá của người dân địa phương góp phần làm nên bản sắc văn hoá riêng của Ninh Bình. Những loại hình nghệ thuật này đã gắn bó bền chặt với đời sống tinh thần của người dân địa phương qua nhiều thế hệ.



Hình 5.1. Một cảnh trong vở chèo *Quan Âm Thị Kính*

2. Hát Chèo – loại hình văn hoá nghệ thuật truyền thống đặc sắc

2.1. Hát Chèo – từ cung đình Hoa Lư đến sinh hoạt làng quê Bắc Bộ

Hát Chèo là một loại hình sân khấu dân gian truyền thống ra đời từ rất sớm ở Việt Nam. Vùng đất Hoa Lư được coi là quê hương của nghệ thuật Chèo. Chuyện kể rằng, bà Phạm Thị Trân hiệu là Huyền Nữ (926 – 976), một vũ ca tài ba trong cung đình nhà Đinh vào thế kỉ X, là người đặt nền móng cho nghệ thuật Chèo từ trò nhại diễn kết hợp với âm nhạc và múa dân gian. Sau này, trò diễn được phát triển thành nghệ thuật chèo và phổ biến rộng khắp, nhất là ở vùng châu thổ Bắc Bộ.

Bà được nhân dân tôn vinh là Bà tổ nghề hát Chèo. Để tưởng nhớ công lao của người có công truyền dạy ca hát, múa và diễn trò và đặt nền móng cho sự phát triển của nghệ thuật Chèo, nhân dân đã lập đền thờ bà tại đền Vân Thị (phường Hoa Lư) và phủ Chợ, Trường Yên (phường Tây Hoa Lư) thuộc quần thể di tích cố đô Hoa Lư. Lễ giỗ bà tổ của nghề hát Chèo thường được tổ chức vào ngày 12 tháng 8 âm lịch hằng năm.



Hình 5.2. Đền Vân Thị, nơi thờ bà tổ nghề hát chèo (phường Hoa Lư)

Chèo thể hiện rõ là một loại hình sân khấu kịch hát độc đáo, đậm đà tính dân tộc, có sự kết hợp nhuần nhuyễn của hàng loạt yếu tố: hát, múa, nhạc, kịch. Các tích trò trong chèo thường được lấy từ truyện cổ tích, truyện Nôm, thơ dân gian, mà ở đó, cái thiện luôn thắng cái ác, thói hư tật xấu luôn bị đả kích, phê phán. Chèo rất phong phú, đa dạng về làn điệu, chẳng hạn như: *Sắp qua cầu*, *Đào liễu*, *Lời lơ*, *Con nhện giăng mùng*, *Con nhện giăng tơ*, *Luyện năm cung*,...

2.2. Nhân vật trong Chèo

Hệ thống nhân vật trong Chèo được phân thành 5 loại vai chính là đào, kép, hề, lão, mục. Nhân vật trong Chèo thường mang tính ước lệ, chuẩn hoá, rập khuôn và thường không thay đổi tính cách với chính vai diễn đó.

Đặc biệt, hề chèo là một nhân vật độc đáo, có vai trò mua vui cho khán giả và cũng là nơi để người dân đả kích những thói hư, tật xấu của xã hội. Nghệ thuật tung hứng của các vai hề trong tích chèo không chỉ mang lại tiếng cười cho người xem mà nó còn chứa đựng, truyền tải cả tinh thần, tư tưởng của vở diễn.

Nội dung trong chèo thể hiện tâm tư, tình cảm, cuộc sống bình dị của người dân, khát khao cuộc sống an vui, thanh bình. Nhiều vở chèo truyền thống đã ghi dấu ấn sâu đậm trong lòng công chúng như *Quan Âm Thị Kính*, *Lưu Bình – Dương Lễ*, *Kim Nham*,...



Hình 5.3. Nhân vật hề chèo

2.3. Nhạc cụ trong Chèo

Để đệm cho hát và múa trong chèo, không thể thiếu các nhạc cụ gõ như: trống cái, trống con, trống cơm, thanh la, mõ, chũm chọe,... cùng các nhạc cụ khác như đàn nhị, đàn tam, đàn tứ, sáo trúc,...

Ngoài ra, Chèo hiện đại có sử dụng thêm một số nhạc cụ để làm phong phú thêm cho dàn nhạc đệm như: đàn tranh, đàn tam thập lục, đàn nguyệt, tiêu,...



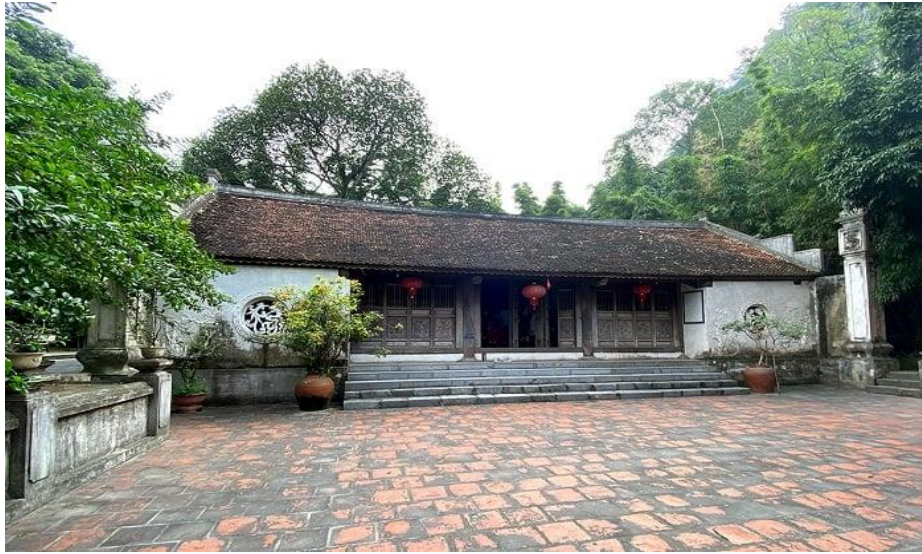
Hình 5.4. Một số nhạc cụ trong Chèo

3. Hát Dặm – loại hình ca múa nhạc dân gian độc đáo

3.1. Hát Dặm – lời ca mộc mạc từ đời sống cộng đồng Ninh Bình

Hát Dặm, còn gọi là hát Dặm, là một loại hình ca múa nhạc dân gian truyền thống đặc sắc gắn liền với sinh hoạt văn hoá – tín ngưỡng của người dân làng Quyền Sơn, phường Lý Thường Kiệt được tổ chức vào ngày mùng 10 tháng Giêng đến ngày mùng 10 tháng hai âm lịch. Đây là một di sản văn hoá phi vật thể được bảo tồn và phát huy qua nhiều thế kỉ.

Theo ghi chép của các bậc cao niên trong làng, hát Dặm xuất hiện từ thế kỉ XI, khi ấy vào năm 1069, phụng mệnh vua Lý Thánh Tông, Thái Úy Lý Thường Kiệt đem quân đi đánh Chiêm Thành. Khi qua đoạn sông Đáy chảy ngang làng Quyền Sơn, Người cho dừng thuyền, cùng các tướng sĩ lên bờ làm lễ tế trời đất, cầu cho quốc thái dân an, xuất quân giành thắng lợi. Sau khi hoàn thành sứ mệnh từ phương Nam trở về, nhớ vùng đất cũ, Lý Thường Kiệt cho quân dừng chân bên đền Trúc dưới chân núi Cầm làm lễ tạ ơn trời đất, khao thưởng ba quân và mở hội mừng chiến thắng. Tại đây, Người đã chọn các cô gái thanh tân trong làng tuổi từ 12 đến 20 để dạy múa hát, đặt nền móng cho điệu hát Dặm ngày nay, đồng thời tổ chức cho trai tráng khoẻ mạnh tham gia đấu vật, đua thuyền tạo nên nét đẹp văn hóa truyền thống đặc sắc của vùng đất Quyền Sơn.



Hình 5.5. Đền Trúc, Núi Cấm – nơi thờ anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt

Phường hát Dặm có từ 30 người trở lên, đứng đầu là cụ trùm cao tuổi, nắm giữ “kho tàng” làn điệu để dẫn dắt, điều khiển các con Dặm, theo sau cụ là các con Dặm, những người trực tiếp đảm nhiệm phần múa hát và phối hợp phụ họa nhịp nhàng.

Hát Dặm với 38 làn điệu, mỗi làn điệu lại có một nội dung và nghệ thuật khác nhau, thường là ca ngợi chiến công đánh giặc, cuộc sống thanh bình, quê hương, đất nước và công đức các bậc tiền nhân. Lời ca mộc mạc, dễ hiểu, phản ánh đời sống, tình cảm và tinh thần đoàn kết của cộng đồng, đồng thời giáo dục các giá trị truyền thống, lòng yêu quê hương và tôn trọng tiền nhân cho các thế hệ sau.

3.2. Nhạc cụ trong hát Dặm

Khác với các loại hình nghệ thuật truyền thống khác, hát Dặm sử dụng các nhạc cụ đơn giản như: trống con, sênh tre để giữ nhịp. Trong đó, sênh là linh hồn trong điệu hát, giúp các con Dặm giữ nhịp đồng nhất khi vừa múa, vừa hát. Sênh tiền được xem như “vị nhạc trưởng” trầm lặng giúp hàng chục con Dặm giữ nhịp đồng nhất khi vừa hát vừa múa. Tiếng “xập xình” đặc trưng của gỗ và đồng tiền cổ không chỉ tạo không khí rộn rã, mà còn mang ý nghĩa tâm linh: tượng trưng cho sự may mắn, tiền tài và cầu mong mùa màng bội thu cho dân làng. Trong hát Dặm, trống được dùng để giữ nhịp chủ đạo, do 2 con Dặm dùng làm nhạc cụ diễn xướng.

3.3. Hình thức diễn xướng

Khi diễn xướng, cụ trùm mặc áo thụng vàng, vắn khăn vàng, đứng giữa trước bàn thờ Thánh, cầm đôi sênh tre gõ nhịp lúc nhanh, lúc chậm tùy theo từng bài hát để điều khiển các con Dặm bằng cách cất giọng hát vang khỏe và những động tác mẫu điệu luyện dẫn dắt các con Dặm thực hiện đúng các nghi thức múa hát.

“Quân” là các con Dặm mặc áo nhiều đở thắt đai màu hoa lí, đội mũ tiên đính ngọc xếp hai hàng dọc hai bên tạo nên thế đối xứng đẹp mắt và trang trọng.

Những điệu múa trong hát Dặm với các tổ hợp động tác đơn giản thường lặp đi lặp lại nhưng mềm mại, uyển chuyển bên cạnh đó cũng có những chi tiết biểu diễn riêng biệt đã tạo nên một bản sắc “độc bản”, không giống bất kì loại hình dân gian nào khác.

Em có biết?

Trong hát Dặm, “tiếng giậm chân” của các cô gái còn để sử dụng thay cho một nhạc cụ khi họ vừa hát vừa giậm chân theo nhịp tạo nên âm thanh rộn ràng. Tên gọi “hát Dặm” có thể xuất phát từ lí do này.



Hình 5.6. Hình ảnh biểu diễn hát Dặm ở khuôn viên đền Trúc (phường Lý Thường Kiệt)

4. Hát Chèo và hát Dặm trong lễ hội và đời sống văn hoá cộng đồng Ninh Bình

Trong đời sống tinh thần của người dân Ninh Bình, hát Chèo và hát Dặm không chỉ là phương tiện giải trí mà còn là di sản văn hoá gắn bó mật thiết với các lễ hội truyền thống tại đình, đền, chùa. Hai loại hình nghệ thuật này đóng vai trò quan trọng trong việc lưu giữ bản sắc địa phương, truyền tải các giá trị lịch sử, đạo đức và thắt chặt tình đoàn kết cộng đồng qua những làn điệu ngợi ca công lao tiên nhân, lòng hiếu thảo và nghĩa tình. Thông qua nội dung ca từ, tích truyện và làn điệu, người xem được nhắc nhớ về nguồn cội, công lao của các bậc tiền nhân, các giá trị như lòng hiếu thảo, nghĩa tình, tinh thần đoàn kết cộng đồng.

Sức sống của nghệ thuật truyền thống Ninh Bình được duy trì bền bỉ nhờ tâm huyết của các thế hệ nghệ nhân và nghệ sĩ biểu diễn. Trong đó, nghệ thuật Chèo

ghi dấu ấn với những tên tuổi như NSND Doãn Hoàng Giang, NSND Mai Thuỷ, NSND Kim Liên, NSUT Bích Thục, NSND Lê Huệ, NSND Lương Duyên,... Đặc biệt, sự hoạt động tích cực của mạng lưới câu lạc bộ chèo tại phường Hoa Lư, xã Ân Hoà, xã Yên Khánh, Phường Tiên Sơn, phường Tam Chúc cùng các “chiều Chèo” lừng danh của xã Ý Yên, Vụ Bản, Nam Trực,... chính là nhân tố nòng cốt tạo nên sức mạnh tổng hợp để bảo tồn, truyền dạy và phát huy giá trị âm nhạc truyền thống đặc sắc.

Em có biết?

Nghệ thuật hát Dặm Quyển Sơn gắn liền với công lao sâu sắc, truyền dạy và quảng bá của cố Nghệ nhân ưu tú Trịnh Thị Rằm cùng em gái là bà Trịnh Thị Phẩm. Việc các thế hệ nghệ nhân tâm huyết truyền dạy làn điệu cho lớp trẻ đã giúp nghệ thuật hát Dặm tại Ninh Bình giữ được sức sống bền bỉ và không ngừng lan toả. Việc người cao tuổi truyền lại làn điệu, lời ca cho lớp trẻ, giúp nghệ thuật hát Dặm ở Ninh Bình được tiếp nối một cách tự nhiên.



NSND Doãn Hoàng Giang



NSND Mai Thuỷ



NSND Lương Duyên



Nghệ nhân hát Dặm Trịnh Thị Phẩm (đứng giữa)

C. LUYỆN TẬP

Viết 1 bài thu hoạch không quá 200 từ tổng hợp những kiến thức về nghệ thuật hát Chèo, hát Dặm mà em đã được học.

D. VẬN DỤNG

1. Em hãy lựa chọn tập hát, đọc lời theo nhịp hoặc gõ đệm một đoạn ngắn của làn điệu hát Chèo hoặc hát Dặm phù hợp với lứa tuổi.
2. Em hãy nêu một việc làm cụ thể mà bản thân hoặc tập thể lớp có thể thực hiện để góp phần gìn giữ và phát huy nghệ thuật hát Chèo hoặc hát Dặm ở địa phương.

Chủ đề 6

NGHỆ THUẬT KIẾN TRÚC VÀ ĐIỀU KHẮC TRUYỀN THỐNG CỦA TỈNH NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận biết được vẻ đẹp của nghệ thuật kiến trúc điêu khắc và chạm khắc trang trí ở một số di tích lịch sử tại địa phương.
- Hiểu và cảm nhận nghệ thuật điêu khắc, chạm khắc trang trí trong các công trình kiến trúc.
- Khai thác được đặc điểm của công trình kiến trúc và điêu khắc truyền thống trong sáng tạo sản phẩm mỹ thuật.
- Có ý thức trân trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị nghệ thuật mà cha ông để lại.

A. MỞ ĐẦU



Hình 6.1



Hình 6.2



Hình 6.3



Hình 6.4

Hãy kể tên những công trình kiến trúc truyền thống tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình qua các hình ảnh trên.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Sơ lược về nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc truyền thống của tỉnh Ninh Bình

Vùng đất Ninh Bình nổi tiếng với nhiều công trình kiến trúc và điêu khắc độc đáo. Trong đó có nhiều công trình được xây dựng từ lâu đời và có giá trị nghệ thuật cao như khu di tích lịch sử đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và đền thờ vua Lê Đại Hành, quần thể di tích đền Trần, chùa tháp Phổ Minh, chùa Đọi Sơn, đền Trần Thương,...

2. Một số công trình kiến trúc tiêu biểu

2.1. Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, đền thờ vua Lê Đại Hành

Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và đền thờ vua Lê Đại Hành (thuộc phường Tây Hoa Lu) đã trải qua hơn 400 năm với bao thăng trầm lịch sử nhưng đến ngày nay cả hai ngôi đền vẫn giữ được nét đẹp kiến trúc thời Hậu Lê thế kỉ XVII. Kiến trúc của hai ngôi đền được xây dựng theo dạng “nội công ngoại quốc”, xây dựng theo kiểu đăng đối trên trục chính đạo. Nghệ thuật điêu khắc, chạm khắc ở hai ngôi đền vừa mang phong cách mỹ thuật cung đình, vừa mang phong cách bình dân. Các họa tiết chạm khắc, điêu khắc tiêu biểu như hình rồng, con nghê, hoa lá, mây, sóng nước,... Các nghệ nhân xưa đã sử dụng kỹ thuật chạm khắc phù hợp trên các chất liệu gỗ, đá như chạm chìm, chạm nổi thấp – cao, chạm thủng, chạm bong – kênh đầy ngẫu hứng, mang đậm sắc thái dân gian.



Hình 6.5. Mô hình kiến trúc đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và đền thờ vua Lê Đại Hành



Hình 6.6. Chạm khắc gỗ (đền thờ vua Lê Đại Hành)



Hình 6.7. Chạm khắc Nghê đá (đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng)



Hình 6.8. Sập long sàng ở sân rồng (đền vua Đinh Tiên Hoàng)



Hình 6.9. Sập long sàng ở trước nghi môn ngoại (đền vua Đinh Tiên Hoàng)

Em có biết?

Hình tượng Nghệ đá ở đền thờ vua Đinh đã được các nhà nghiên cứu xác định là chuẩn mực cho hình tượng Nghệ đá ở Việt Nam. Hai sập “Long Sàng đá” ở đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng cùng bộ “Phủ Việt” ở đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và đền thờ vua Lê Đại Hành đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là “Bảo vật Quốc gia.”

1. Nêu đặc điểm kiến trúc của đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và đền thờ vua Lê Đại Hành.
2. Nêu cảm nhận của em về nghệ thuật chạm khắc trang trí trên hai đền thờ.

2.2. Chùa Tháp Phổ Minh

Chùa Phổ Minh (chùa Tháp) thuộc quần thể đền Trần, tọa lạc tại thôn Tức Mặc, phường Nam Định – quê hương của các vua Trần. Chùa Phổ Minh là công trình kiến trúc cổ độc đáo lớn nhất, nguyên vẹn nhất ở Việt Nam.

Chùa được xây dựng dưới triều Lý, đến thời Trần (năm 1262) được mở rộng quy mô và trở nên bề thế hơn. Chùa Phổ Minh là minh chứng cho sự gắn kết nghệ thuật của hai triều đại Lý – Trần, đến nay đã hơn 700 năm tuổi.

Về nghệ thuật, điểm độc đáo nhất là ở bộ cánh cửa gian giữa nhà tiền đường, được chạm họa tiết hình rồng châu mặt nguyệt trong khung hình lá đề. Rồng có đặc điểm: đầu ngẩng cao, thân lượn sóng, thon nhỏ về phần đuôi, không có vảy, mào lửa dài, chân bốn móng, thể hiện sinh lực mạnh mẽ và được coi là hình tượng rồng tiêu biểu của thời Trần.

Kiến trúc đặc biệt của ngôi chùa thuộc về tháp Phổ Minh. Tháp có 14 tầng, cao 19,51 m. Hai tầng tháp dưới cùng xây bằng đá có chạm khắc hoa văn cánh sen, hoa văn sóng nước; 12 tầng trên xây bằng gạch bát mạch, để trần không trát. Mỗi đầu viên gạch có dòng chữ “Hưng long thập niên tam” và khắc họa con rồng nổi thời Trần. Tầng tháp nào cũng trở bốn cửa vòm cuốn, giữa các tầng là gờ mái.

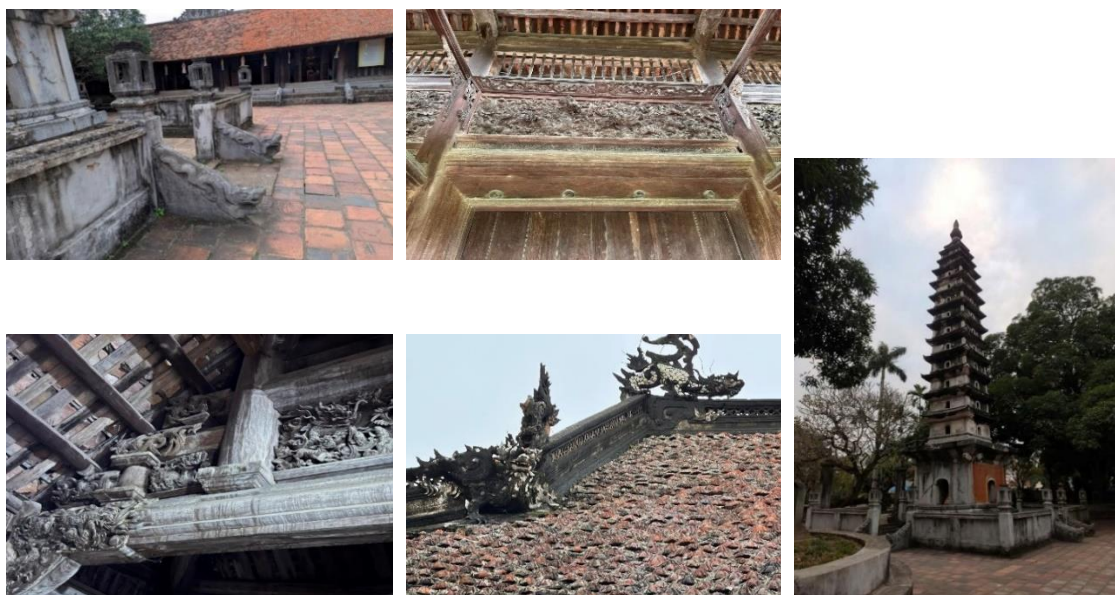
Tháp được xây trên một hồ vuông, nông; có hành lang bao bọc, bốn phía có cửa và các thành bậc rồng đá, ở các điểm trụ đều có đèn lồng. Việc xây hồ bao quanh khiến tháp trở thành hình tượng búp sen khổng lồ đang nổi trên mặt nước – một hình tượng mang ý nghĩa của nhà Phật.

Dưới chân tháp Phổ Minh là hai cây hương lớn (hay còn gọi là cột kinh) được làm bằng đá vào thế kỉ XVII, tạo tác tinh xảo theo hình hoa sen, trên đỉnh chạm cánh sen, bên trong có hình ảnh Phật ngồi trên toà hoa sen.

Ngày 27/9/ 2012, Thủ tướng Chính phủ đã kí quyết định công nhận di tích lịch sử – văn hoá đền Trần và chùa Phổ Minh là di tích Quốc gia đặc biệt.

Em có biết?

Sau khi Kim Phật Trần Nhân Tông viên tịch, vua nối ngôi là Trần Anh Tông đã sai người làm kiệu bát cống bằng đá và xây toà tháp lên trên, sau đó đặt 7 trong số 21 viên xá lị của vua cha vào một hòm đá quý đưa vào trong tháp Phổ Minh trước cửa chùa. Từ đó, chùa Tháp ngoài việc thờ Phật còn thờ thêm Tam tổ Trúc Lâm.



Hình 6.10. Kiến trúc, chạm khắc, điêu khắc chùa Phổ Minh (chùa Tháp)

1. Vì sao tháp Phổ Minh được xem là công trình kiến trúc tiêu biểu của thời Trần?
2. Theo em, cần làm gì để gắn việc bảo tồn chùa Phổ Minh với phát triển du lịch bền vững?

2.3. Đền Trần Thương

Đền Trần Thương (đền thờ Đức Thánh Trần) tọa lạc tại xã Trần Thương tỉnh Ninh Bình là ngôi đền thờ Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, đền được dựng lên ngay trên phần đất khi xưa ông dùng làm kho lương phục vụ cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần 2 (1285), là ngôi đền nổi tiếng về di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật. Đền có kiến trúc độc đáo mang phong cách nghệ thuật cổ đại của dân tộc; được trang trí bằng những họa tiết được chạm khắc công phu kết hợp nhiều kĩ thuật cổ xưa như kĩ thuật chạm kênh bong, chạm chìm, chạm nổi, kĩ thuật bào trơn, đóng bén,... tạo nên một tổng thể kiến trúc cổ kính mang đậm dấu ấn kiến trúc thời Trần.



Hình 6.11. Nghi môn ngoại đền Trần Thương



Hình 6.12. Nghi môn nội và bình phong đền Trần Thương



Hình 6.13. Chi tiết chạm khắc ở Đền Trần Thương

Em có biết?

Kiến trúc đền Trần Thương “Hình nhân bái tướng”: Đền được xây theo chữ Quốc ngữ, phong thủy hữu tình (trước có sông, sau có núi (giả)) tạo thế đất thiêng vững chãi.

Hệ thống giếng cổ “Ngũ mã”: Toàn bộ khu đền có năm giếng nước tượng trưng cho thế “Ngũ mã” – năm con hổ. Đặc biệt là giếng Nhũ và giếng Hồ Khẩu nước không bao giờ cạn, quanh năm trong xanh.

1. Nêu đặc điểm kiến trúc đền Trần Thương.
2. Kể tên một vài kĩ thuật chạm khắc ở đền Trần Thương.

C. LUYỆN TẬP

1. Tìm hiểu

Em hãy quan sát các bức ảnh dưới đây và tìm hiểu:

1. Các hình tượng chính, phụ thể hiện trong các bức chạm khắc.
2. Cách bố trí, nhịp điệu của họa tiết chính.



(a)



(b)



(c)



(d)

Hình 6.14. Chạm khắc hoa văn trên chất liệu gỗ, đá

2. Thực hiện

Các bước mô phỏng hoa văn, họa tiết trong các bức điêu khắc, chạm khắc trang trí:

Bước 1: Chọn hình ảnh để vẽ mô phỏng lại.

Bước 2: Tìm bố cục (xác định mảng chính, mảng phụ).

Bước 3: Lựa chọn cách thể hiện phù hợp.

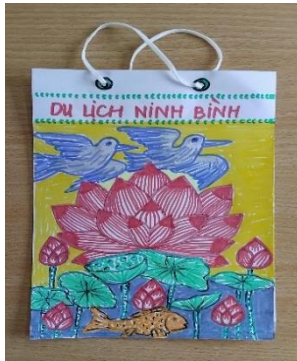
Bước 4: Mô phỏng/vẽ hoàn thiện sản phẩm.



Hình 6.15. Vốn cổ
(tranh sơn dầu 170x200cm)



Hình 6.16. Bài vẽ mô tả họa tiết hoa văn truyền thống



Hình 6.17. Tạo dáng và trang trí túi xách với hoa văn truyền thống



Hình 6.18. Mô phỏng kiến trúc tháp chùa Phở Minh trong trang trí trang phục

Em hãy lựa chọn một công trình kiến trúc hoặc một họa tiết hoa văn trên tác phẩm điêu khắc và chạm khắc truyền thống mà em yêu thích để mô phỏng lại vẽ đẹp đó.

3. Trưng bày sản phẩm và chia sẻ

Trưng bày và chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của cá nhân hoặc nhóm.

- Sản phẩm mô phỏng những mô típ, họa tiết trang trí của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc truyền thống nào?
- Chỉ ra những hình ảnh và hoa văn chính trong sản phẩm.
- Nhận xét về bố cục, hình mảng, đường nét, màu sắc trong sản phẩm,...

D. VẬN DỤNG

Em hãy đóng vai làm hướng dẫn viên du lịch để giới thiệu, quảng bá về vẻ đẹp của nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc truyền thống của tỉnh Ninh Bình.

Chủ đề 7

ĐA DẠNG THỂ GIỚI SỐNG CỦA TỈNH NINH BÌNH

Bài 1. ĐA DẠNG THỂ GIỚI SỐNG Ở NINH BÌNH

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được một số đặc điểm đặc trưng về đa dạng sinh học của tỉnh Ninh Bình.
- Nêu được tên một số khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia của tỉnh Ninh Bình.
- Kể được tên một số loài động vật, thực vật đặc trưng/ đặc hữu của tỉnh Ninh Bình.

A. MỞ ĐẦU



Hình 7.1. Voọc mông trắng trên vách đá vôi ở Ninh Bình

Em có biết?

Voọc mông trắng là một trong những loài linh trưởng đặc biệt quý hiếm, được ghi trong sách đỏ Việt Nam, đồng thời cũng là loài bị đe dọa ở mức “cực kỳ nguy cấp” của Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN). Nhóm cá thể lớn nhất thế giới này hiện sinh sống chủ yếu ở Khu bảo tồn (KBT) thiên nhiên đất ngập nước Vân Long và vùng rừng núi đá vôi Kim Bảng – Tam Chúc thuộc tỉnh Ninh Bình.¹

Dựa vào Hình 7.1 và hiểu biết của mình, em hãy cho biết:

1. Những khu vực nào tại Ninh Bình là môi trường sống chính của Voọc mông trắng?
2. Nếu môi trường núi đá vôi bị phá huỷ thì loài Voọc mông trắng sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?

¹ Nguồn: Theo Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2016 – 2020, ban hành kèm theo Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Điều kiện tự nhiên và đa dạng thể giới sống

Từ năm 2025, tỉnh Ninh Bình được thành lập do sáp nhập ba tỉnh: Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình do đó mang đặc điểm hội tụ của cả núi rừng, đồng bằng và ven biển. Sự thay đổi địa hình từ núi, đồng bằng đến ven biển đã tạo ra nhiều môi trường sống khác nhau, giúp thế giới sinh vật ở đây vô cùng phong phú và mang những nét đặc trưng riêng theo 4 khu vực chính. Nhiều khu vực có đa dạng sinh học cao của tỉnh đã được quy hoạch thành vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên và được công nhận ở cấp quốc gia, quốc tế.

Vùng núi đá vôi và đôi núi thấp: Nổi bật với địa hình phức tạp, hệ thống hang động và thung lũng kín ít bị tác động. Đây là sinh cảnh đặc trưng và là “ngôi nhà an toàn” của nhiều loài thực vật bám đá, cùng các loài động vật quý hiếm, đặc hữu như Voọc mông trắng, các loài dơi sống trong hang động, hay các loài bò sát, lưỡng cư đặc trưng của vùng núi đá vôi.

Vùng đất ngập nước nội địa: Gồm các đầm lầy, hồ nước nông và tĩnh lặng. Khu vực này có hệ thủy sinh vô cùng phong phú (tôm, cá, ốc,...) và các bãi lau sậy rậm rạp, tạo thành sinh cảnh lí tưởng cho vô số loài chim nước tìm về cư trú và làm tổ.

Vùng đồng bằng phù sa: Được hình thành và bồi đắp qua hàng nghìn năm bởi phù sa của các hệ thống sông lớn như sông Hồng, sông Đáy, sông Châu và sông Hoàng Long, vùng đồng bằng phù sa trải rộng với mạng lưới sông ngòi chằng chịt và đất đai màu mỡ. Đây vừa là vựa lương thực quan trọng của tỉnh, vừa là môi trường sống của nhiều loài sinh vật: các thảm thực vật thủy sinh (sen, súng, rong, bèo), các loài tôm cá nước ngọt, và những bầy chim đồng nội (cò trắng, vạc, diệc xám) thường xuyên kiếm ăn trên các cánh đồng.

Vùng ven biển và cửa sông: Đặc trưng bởi môi trường bãi bồi thấp chịu ảnh hưởng của thủy triều. Nơi đây phát triển mạnh thảm thực vật ngập mặn (sú, vẹt), tạo môi trường sinh sản cho các loài động vật đáy (ngao, vạng, cua,...) và là bãi kiếm ăn vô cùng quan trọng của nhiều loài chim di cư (cò thìa, rẽ mỏ thìa).



a) Vùng núi đá vôi và đồi núi thấp
(Quần thể danh thắng Tràng An)



b) Vùng đất ngập nước nội địa
(Khu bảo tồn thiên nhiên Vân Long)



c) Vùng đồng bằng
(Cánh đồng Tam Đuan xã Ninh Cường)



d) Vùng ven biển và cửa sông
(Vườn Quốc gia Xuân Thủy)

Hình 7.2. Các dạng địa hình của Ninh Bình

1. Đọc thông tin Mục 1, em hãy hoàn thành Bảng 7.1 dưới đây:

Bảng 7.1. Tổng hợp mối quan hệ giữa địa hình và sinh vật

STT	Dạng địa hình	Đặc điểm môi trường	Khu vực tiêu biểu	Ví dụ một số loài sinh vật
1	Vùng núi đá vôi và đồi núi thấp	Có hệ thống hang động, thung lũng kín, ít bị tác động.	Vườn Quốc Gia Cúc Phương, Quần thể danh thắng Tràng An	Voọc mông trắng, các loài bò sát,...
2	?	?	?	?
3	?	?	?	?
...	?	?	?	?

2. Dựa vào Bảng 7.1, em hãy nêu khái quát một số đặc điểm đặc trưng về đa dạng sinh học của tỉnh Ninh Bình.

2. Một số khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình

Nhằm bảo vệ môi trường tự nhiên, tỉnh Ninh Bình đã thành lập hệ thống các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên. Những khu vực này không chỉ lưu giữ các loài động vật, thực vật đặc trưng – những loài tiêu biểu nhất đại diện cho một môi trường sống cụ thể, mà còn là nơi bảo vệ nghiêm ngặt nhiều loài động vật, thực vật đặc hữu – những loài chỉ sinh sống ở một khu vực địa lí nhất định, không tìm thấy trong tự nhiên ở bất kì nơi nào khác trên thế giới.

2.1. Vườn Quốc gia Cúc Phương

Vườn Quốc gia Cúc Phương là Vườn Quốc gia đầu tiên của Việt Nam, đặc trưng bởi hệ sinh thái rừng mưa nhiệt đới trên núi đá vôi vô cùng phong phú. Nơi đây nổi tiếng với những loài thực vật đại thụ như cây Chò xanh ngàn năm tuổi, loài thực vật hạt trần cổ xưa đặc hữu như Tuế Hoà Bình kiên cường bám trên các vách đá vôi hiểm trở, và thế giới côn trùng kì thú với hàng triệu cá thể Bướm khoe sắc vào mỗi độ cuối xuân.

Đặc biệt, Cúc Phương được xem là “ngôi nhà an toàn” của nhiều loài động vật quý hiếm, tiêu biểu là Voọc mông trắng – loài linh trưởng đặc hữu chỉ có tại Việt Nam, và Ếch cây sần Anna – đây là loài sinh vật đặc hữu quý hiếm thường sinh sống trong các hốc cây hoặc môi trường ẩm ướt đặc trưng của rừng trên núi đá vôi tại Ninh Bình. Bên cạnh đó, hệ động vật của Vườn còn ghi dấu ấn sâu sắc với những loài đặc hữu mang chính tên của vùng đất này như: Thần lằn tại Cúc Phương, Cá niết hang Cúc Phương.

Để bảo tồn các giá trị này, Vườn còn có Trung tâm Cứu hộ, Bảo tồn và Phát triển sinh vật. Đây là nơi nuôi dưỡng, nhân giống và chữa trị cho hàng trăm cá thể linh trưởng quý hiếm trước khi thả chúng trở về với thiên nhiên.



Hình 7.3. Cây Chò xanh ngàn năm tuổi

Cây Chò xanh cổ thụ ngàn năm tuổi có ba thân chính, đường kính 5m; chiều cao lên tới 50 m.



Hình 7.4. Rừng Quốc gia Cúc Phương vào mùa bướm

Hàng năm, vào cuối tháng 4, đầu tháng 5 rừng Cúc Phương sẽ xuất hiện nhiều loài bướm với đủ màu sắc sặc sỡ. Trong đó phổ biến nhất là đàn bướm trắng với số lượng khổng lồ, cùng với nhiều loài bướm phượng.

2.2. Vườn Quốc gia Xuân Thủy

Nằm ở phía Nam cửa sông Hồng, Vườn Quốc gia Xuân Thủy là khu đất ngập nước ven biển tiêu biểu của Việt Nam, được công nhận là khu Ramsar đầu tiên của Việt Nam và Đông Nam Á từ năm 1989. Nơi đây phong phú các loài thủy sinh và thực vật ngập mặn đặc trưng vùng cửa sông ven biển như sù, vẹt, cây bần chua,... và còn được xem là “ga chim quốc tế” quan trọng ở miền Bắc với hệ sinh thái bãi triều, là nơi cư trú và dừng chân của nhiều loài chim quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng toàn cầu như rẽ mỏ thìa, cò thìa, bồ nông chân xám,...



a) Cò thìa



b) Rẽ mỏ thìa



c) Bồ nông chân xám

Hình 7.5. Một số loài chim di trú quý hiếm đặc trưng của Vườn Quốc gia Xuân Thủy

2.3. Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long

Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long là hệ sinh thái đất ngập nước nội địa tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình. Nơi đây có hệ động vật, thực vật gồm nhiều loài quý hiếm cần được bảo vệ như: cốt toái bồ, tuế đá vôi, hoa tán; rắn hổ chúa, trăn đất, Voọc móng trắng,... Đồng thời, với nguồn thức ăn thủy sinh dồi dào, Vân Long trở thành sinh cảnh lí tưởng để các loài chim nước làm tổ và là điểm dừng chân quan trọng của nhiều loài chim di cư trong khu vực.



Hình 7.6. Khu bảo tồn thiên nhiên Vân Long mùa chim về

1. Đọc thông tin Mục 2, em hãy hoàn thành Bảng 7.2 dưới đây:

Bảng 7.2. Một số khu bảo tồn thiên nhiên, vườn Quốc gia tiêu biểu của Ninh Bình

Tên khu bảo tồn thiên nhiên/Vườn Quốc gia	Loài thực vật đặc trưng/đặc hữu	Loài động vật đặc trưng/đặc hữu
?	?	?
?	?	?
?	?	?

2. Em hãy cho biết Trung tâm Cứu hộ Linh trưởng Ngụy cấp thực hiện những nhiệm vụ gì để bảo vệ các loài quý hiếm?

C. LUYỆN TẬP

- Loài linh trưởng nào sau đây là loài đặc hữu của Việt Nam, hiện có quần thể lớn nhất thế giới sinh sống tại các khu bảo tồn của tỉnh Ninh Bình?
 - Voọc mông trắng.
 - Voọc đen tuyền.
 - Voọc chà vá chân xám.
 - Voọc chà vá chân nâu.
- Vườn Quốc gia Xuân Thủy được công nhận là khu Ramsar đầu tiên của Việt Nam vào năm nào?
 - 1975.
 - 1989.
 - 1993.
 - 2000.
- Rừng ngập mặn Xuân Thủy **không** phải là nơi sinh sống của loài nào sau đây?
 - Cây bần.
 - Cây trang.
 - Cây sù.
 - Cây kim giao.
- Giải thích tại sao vùng đất ngập nước Vân Long là nơi “đất lành chim đậu”?

D. VẬN DỤNG

Hãy chọn một khu bảo tồn hoặc vườn quốc gia ở tỉnh Ninh Bình mà em muốn tham quan và lập danh sách 3 – 5 việc em sẽ làm (hoặc không làm) trong chuyến đi đó để góp phần bảo vệ thiên nhiên.

Em cần nhớ:

Đa dạng sinh học tỉnh Ninh Bình mang những đặc điểm nổi bật sau:

- Phong phú về địa hình: Tỉnh Ninh Bình có đủ 4 dạng địa hình: núi đá vôi, đất ngập nước nội địa, đồng bằng phù sa và vùng cửa sông ven biển tạo nên sự đa dạng môi trường sống hiếm có dẫn tới đa dạng sinh học theo từng địa hình.
- Nhiều loài đặc hữu quý hiếm: Đây là nơi sinh sống của nhiều loài chỉ tìm thấy ở Ninh Bình hoặc Việt Nam tiêu biểu như Voọc mông trắng.
- Được bảo vệ trong hệ thống khu bảo tồn: Các vùng có đa dạng sinh học cao đã được quy hoạch thành vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, được công nhận cấp quốc gia và quốc tế.

Chính sự đa dạng về địa hình đã tạo ra nhiều môi trường sống khác nhau, là nguyên nhân giúp Ninh Bình có hệ sinh vật phong phú và đa dạng.

Bài 2. VAI TRÒ VÀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC Ở NINH BÌNH

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình.
- Bước đầu hình thành được ý thức bảo tồn đa dạng sinh học.

A. MỞ ĐẦU



Hình 7.7. Một góc Quần thể Danh thắng Tràng An

Hằng năm, hàng triệu du khách đến với Tràng An. Theo em, điều gì đã tạo nên vẻ đẹp đặc sắc thu hút họ và sự đa dạng sinh học đóng vai trò gì trong việc tạo nên sức hút đó?

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Vai trò của đa dạng sinh học



Hình 7.8. Vai trò của đa dạng sinh học

Quan sát Hình 7.8, em hãy nêu vai trò của đa dạng sinh học đối với môi trường và đời sống con người.

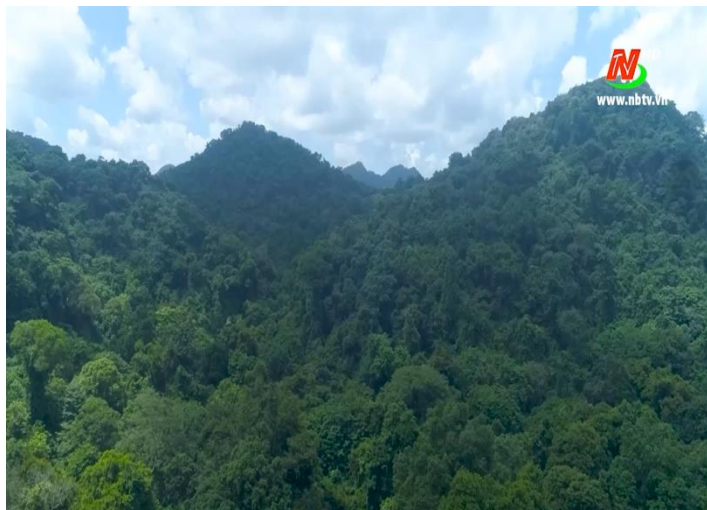


a) Khách du lịch tham quan Vườn quốc gia Cúc Phương.



b) Vườn quốc gia Cúc Phương tạo sinh kế cho người dân vùng đệm nhờ phát triển du lịch.

Hình 7.9. Du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Cúc Phương



Hình 7.10. Thảm thực vật rừng Cúc Phương

Em có biết?

Vườn quốc gia Cúc Phương có hàng trăm loài cây thuốc, trong đó có nhiều loài có giá trị như trà hoa vàng Cúc Phương, cốt toái bổ, hoàng đằng, lan kim tuyến, đẳng sâm, thạch斛, pơ mu,...¹



Hình 7.11. Rừng sù, bần tại Vườn Quốc gia Xuân Thủy

Em có biết?

Rừng ngập mặn ven biển là “lá chắn xanh” tự nhiên giúp giảm sức gió, chắn sóng và hạn chế thiệt hại do bão, triều cường và nước biển dâng. Hệ rễ dày đặc còn giúp giữ đất, chống xói lở bờ biển và bảo vệ môi trường sống của nhiều loài sinh vật.

¹ Nguồn: Tổng hợp từ Danh lục thực vật Vườn quốc gia Cúc Phương và Quyết định số 1976/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển được liệu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

1. Đọc thông tin, quan sát các hình từ 7.8 đến 7.11 hoàn thành Bảng 7.3.

Bảng 7.3. Vai trò đa dạng sinh học với môi trường và phát triển kinh tế – xã hội Ninh Bình

Vai trò	Ví dụ cụ thể tại Ninh Bình	Ý nghĩa đối với địa phương
Bảo vệ môi trường	Thảm thực vật rừng Cúc Phương,	?
	Rừng ngập mặn ven biển Kim Sơn	?
Phát triển kinh tế – xã hội	Du lịch sinh thái tại Cúc Phương	?
	Cây dược liệu tại Cúc Phương	?

2. Kể tên các khu bảo tồn, vườn quốc gia ở Ninh Bình có các hoạt động tham quan du lịch? Theo em, các hoạt động du lịch trên có ảnh hưởng đến đa dạng sinh học tại các địa điểm đó không?

2. Bảo tồn đa dạng sinh học

2.1. Nguy cơ suy giảm đa dạng sinh học

Đa dạng sinh học của tỉnh Ninh Bình đang đứng trước nhiều thách thức do tác động của thiên nhiên và đặc biệt là các hoạt động kinh tế của con người.

Hoạt động khai thác đá vôi để phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng tại một số khu vực gần nơi sinh sống của các loài động vật quý hiếm có thể làm thu hẹp, phân mảnh môi trường sống tự nhiên, đồng thời gây tiếng ồn và bụi bặm. Đây là một trong những vấn đề cần được các cơ quan chức năng giám sát và quản lý chặt chẽ, nhằm giảm thiểu ảnh hưởng đến sự sinh tồn của các loài động vật quý hiếm như Voọc mông trắng.



Hình 7.12. Hình ảnh khai thác đá vôi tại núi đá vôi ở Ninh Bình

Phát triển du lịch và đô thị hóa: Việc mở rộng hạ tầng và đón lượng lớn khách tham quan tại Tràng An, Tam Cốc hay Vân Long dẫn đến nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, nước do rác thải sinh hoạt và nước thải chưa qua xử lí.



Hình 7.13. Vớt rác thải bảo vệ môi trường tại Tràng An

Khai thác quá mức và thiên tai: Nạn săn bắt hoang dã, đặt bẫy và khai thác lâm sản trái phép vẫn diễn ra. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu và nước biển dâng đang làm thay đổi hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển Kim Sơn, ảnh hưởng đến nơi cư trú của nhiều loài chim di cư và thủy sản.

Theo em, những hoạt động nào của con người có thể làm suy giảm đa dạng sinh học ở tỉnh Ninh Bình?

2.2. Bảo tồn đa dạng sinh học gắn với phát triển bền vững

Bảo vệ đa dạng sinh học không chỉ là giữ gìn thiên nhiên mà còn gắn liền với sự phát triển bền vững của quê hương. Ninh Bình đã và đang hướng tới mục tiêu phát triển “kinh tế xanh”, kết hợp hài hoà giữa việc bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế thông qua các hành động thiết thực:

Bảo vệ nghiêm ngặt các khu vực sinh sống tự nhiên: Quản lí chặt chẽ các khu bảo tồn, Vườn Quốc gia (Cúc Phương, Xuân Thủy, Vân Long) để làm nơi trú ngụ an toàn cho các loài động vật hoang dã. Tỉnh Ninh Bình cũng đẩy mạnh công tác cứu hộ, chữa trị và thả động vật hoang dã về lại môi trường tự nhiên.

Làm sạch môi trường sống: Tập trung khắc phục tình trạng ô nhiễm nguồn nước tại các dòng sông lớn như sông Đáy, sông Châu; đồng thời yêu cầu việc khai thác khoáng sản phải đi liền với trồng cây, phục hồi cảnh quan.

Phát triển “du lịch xanh”: Tại Trảng An và Vân Long, tỉnh khuyến khích các hoạt động du lịch thân thiện với môi trường như sử dụng thuyền chèo tay, hạn chế phương tiện gây khói bụi và rác thải nhựa. Điều này vừa bảo vệ không gian sống của các loài thủy sinh và chim hoang dã, vừa tạo ra việc làm và thu nhập ổn định cho người dân địa phương.

Nâng tầm di sản quốc tế: Tỉnh đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận các giá trị thiên nhiên quý giá của khu vực Vân Long – Kim Bảng – Tam Chúc, qua đó nâng cao trách nhiệm bảo tồn thiên nhiên của cộng đồng.



a) Cứu hộ cá thể chim Đại bàng đầu nâu quý hiếm



b) Thả động vật hoang dã về môi trường tự nhiên

Hình 7.14 Thực hiện cứu hộ bảo tồn nhiều loài động vật hoang dã tại Vườn Quốc gia Cúc Phương

Tại Quần thể danh thắng Trảng An và Khu bảo tồn Vân Long, việc bảo tồn đa dạng sinh học được kết hợp chặt chẽ với du lịch. Các hoạt động du lịch không khói, sử dụng thuyền chèo tay, hạn chế rác thải nhựa giúp bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sinh và chim hoang dã, đồng thời tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng địa phương. Đồng thời tăng cường nhận thức cho người dân và du khách về giá trị của đa dạng sinh học thông qua các tour du lịch giáo dục môi trường.

1. Em hãy nêu một số biện pháp tỉnh Ninh Bình đã thực hiện để bảo tồn đa dạng sinh học.
2. Tại sao nói bảo tồn đa dạng sinh học là giải pháp then chốt để phát triển kinh tế bền vững cho tỉnh Ninh Bình?

C. LUYỆN TẬP

1. Em hãy hoàn thành sơ đồ tư duy về vai trò của đa dạng sinh học tại Ninh Bình theo hai nhóm chính: Giá trị môi trường và Giá trị kinh tế – xã hội
2. Là một công dân của tỉnh, em sẽ làm gì để góp phần ngăn chặn các nguy cơ suy giảm đa dạng sinh học như nạn săn bắt hoang dã hay rác thải nhựa?

D. VẬN DỤNG

Em hãy thiết kế một áp phích (poster) hoặc viết một bài đăng mạng xã hội (khoảng 100 chữ) kêu gọi bảo vệ “Lá phổi xanh” Cúc Phương hoặc “Lá chắn xanh” ven biển Kim Sơn. Thông điệp cần làm nổi bật vai trò của các hệ sinh thái này đối với việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững tỉnh Ninh Bình.

Em cần nhớ:

- **Vai trò đối với môi trường:** Đa dạng sinh học giúp duy trì cân bằng sinh thái, điều hòa khí hậu và giảm thiểu ô nhiễm. Đặc biệt, rừng Cúc Phương đóng vai trò là "lá phổi xanh", rừng ngập mặn ven biển là "lá chắn xanh" giúp chắn sóng và chống xói lở bờ biển.
- **Vai trò đối với kinh tế – xã hội:** Cung cấp lương thực, thực phẩm, dược liệu quý và là nền tảng để phát triển du lịch sinh thái bền vững, tạo sinh kế cho người dân địa phương.
- **Các biện pháp bảo tồn đa dạng sinh học:**
 - Quy hoạch và quản lý nghiêm ngặt các vườn quốc gia, khu bảo tồn.
 - Thực hiện cứu hộ, chăm sóc, nhân giống và tái thả các loài linh trưởng và động vật hoang dã quý hiếm về tự nhiên.
 - Phát triển du lịch thân thiện với môi trường và hạn chế rác thải nhựa để bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật.
 - Nâng cao nhận thức cộng đồng và học sinh về giá trị đa dạng sinh học.

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Chữ cái	Thuật ngữ
Â	Âm nhạc truyền thống là loại hình âm nhạc có từ lâu đời, gắn liền với bản sắc dân tộc.
B	Bảo tồn đa dạng sinh học là việc bảo vệ, phục hồi và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên sinh vật nhằm giữ gìn sự phong phú của các loài và môi trường sống của chúng cho hiện tại và tương lai.
C	<ul style="list-style-type: none"> • Cổ đô là từ Hán Việt dùng để chỉ kinh đô hoặc thủ đô cũ của một triều đại, quốc gia trong quá khứ, nơi vua chúa từng đặt triều đình. • Cổ tích là loại truyện dân gian có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo, kể về số phận và cuộc đời của các nhân vật trong những mối quan hệ xã hội. Truyện cổ tích thể hiện cái nhìn về hiện thực, bộc lộ quan điểm đạo đức, lẽ công bằng và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động xưa. • Chiếu chèo là không gian biểu diễn truyền thống của Chèo (thường là một chiếc chiếu trải giữa sân đình).
D	<ul style="list-style-type: none"> • Danh thắng (còn gọi là danh lam thắng cảnh) là những cảnh quan thiên nhiên đặc sắc hoặc các địa điểm có sự kết hợp hài hòa giữa cảnh đẹp tự nhiên và công trình kiến trúc. • Di chỉ là nơi tìm được những dấu vết cư trú và sinh sống của người xưa còn sót lại trong lòng đất. • Di tích khảo cổ là các loại dấu vết, vết tích của quá khứ con người lưu lại được khảo cổ học nghiên cứu. • Di tích lịch sử là dấu vết còn lại của một sự kiện, thời kỳ lịch sử đã qua. • Diễn xướng là hình thức trình diễn kết hợp giữa lời ca, điệu bộ và nhạc cụ.
Đ	<ul style="list-style-type: none"> • Địa vực là vùng, khu vực, trong quan hệ với cộng đồng người sinh sống ở đó.
H	<ul style="list-style-type: none"> • Hệ sinh thái là một môi trường sống bao gồm các sinh vật và các yếu tố tự nhiên xung quanh chúng như đất, nước, ánh sáng và không khí. Trong hệ sinh thái, các sinh vật và môi trường luôn có sự tác động qua lại, phụ thuộc lẫn nhau để cùng tồn tại và phát triển. • Huyết thống là những người có quan hệ máu mủ với nhau.
K	<ul style="list-style-type: none"> • Khuyến học là khuyến khích việc học. • Khu bảo tồn thiên nhiên là vùng đất được dành riêng để duy trì, bảo vệ các hệ sinh thái và các loài sinh vật trong trạng thái tự nhiên.
L	<ul style="list-style-type: none"> • Làn điệu là các giai điệu cụ thể trong âm nhạc dân gian. • Loài đặc hữu là loài sinh vật chỉ có ở một khu vực địa lí nhất định và không tìm thấy trong tự nhiên ở bất kì nơi nào khác trên thế giới. • Loài đặc trưng là loài sinh vật tiêu biểu của một hệ sinh thái, có số lượng lớn hoặc đóng vai trò quan trọng giúp nhận diện môi trường sống đó.
N	<ul style="list-style-type: none"> • Nhạc cụ là những dụng cụ được sử dụng để khai thác âm thanh âm nhạc và tạo tiếng động, tiết tấu.

Chữ cái	Thuật ngữ
	<ul style="list-style-type: none"> • Nghệ nhân là những người nắm giữ, thực hành và truyền dạy các kĩ năng, bí quyết nghề nghiệp ở trình độ cao, đặc biệt trong các lĩnh vực thủ công mỹ nghệ, nghệ thuật truyền thống hoặc di sản văn hóa phi vật thể. • Nghệ thuật là hình thái ý thức xã hội đặc biệt, dùng hình tượng sinh động cụ thể và hấp dẫn để phản ánh hiện thực và truyền đạt tư tưởng, cảm xúc.
S	<p>Sắc phong: sắc phong, phong cho, cấp cho, ban cho (theo <i>Từ điển phổ thông</i>); Lệnh vua ban thưởng chức tước cho người nào (theo <i>Từ điển Nguyễn Quốc Hùng</i>)</p>
T	<ul style="list-style-type: none"> • Thủ đô là trung tâm hành chính, chính trị cao nhất của một quốc gia, nơi đặt trụ sở các cơ quan quyền lực trung ương (hành pháp, lập pháp, tư pháp). • Thủy tổ là người đầu tiên bắt đầu một dòng họ, hoặc một nghề nghiệp. • Tích trò là cốt truyện hoặc kịch bản của một vở diễn. • Truyền thuyết là truyện kể dân gian thường có yếu tố hoang đường, kì ảo, kể về các sự việc và nhân vật lịch sử hoặc có liên quan đến lịch sử; thể hiện sự ngưỡng mộ và tôn vinh của nhân dân với những người có công với đất nước, dân tộc hoặc cộng đồng cư dân của một vùng. • Tụ hội là khắp nơi về họp lại với nhau một chỗ. • Từ đường là nhà thờ tổ tiên của dòng họ.
U	<ul style="list-style-type: none"> • Ước lệ là những quy định ngầm định trong biểu diễn.
V	<ul style="list-style-type: none"> • Văn học dân gian là dòng văn học ra đời từ thời xa xưa do nhân dân ta sáng tạo ra và lưu truyền từ đời này sang đời khác; bao gồm các thể loại: thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười, tục ngữ, ca dao, thành ngữ,... • Vườn quốc gia là khu vực tự nhiên rộng lớn được nhà nước thành lập để bảo vệ các hệ sinh thái đặc trưng, loài sinh vật quý hiếm và cảnh quan thiên nhiên; đồng thời phục vụ nghiên cứu khoa học và du lịch sinh thái.

DANH MỤC TỪ TRA CỨU

Đ	
đường bờ biển	6
đơn vị hành chính	7, 8, 10
địa giới hành chính	8, 9
K	
kinh độ	7
V	
vĩ độ	7
vị trí địa lí	6, 8, 10, 11

BẢN QUYỀN/NGUỒN HÌNH ẢNH

Hình/ Ảnh	Nguồn trích dẫn
<i>Chủ đề 1</i>	
Hình 1.1	Nguyễn Thanh Xuân
Hình 1.2	Báo điện tử Ninh Bình https://baoninhbinh.org.vn/
Hình 1.3	Nguyễn Thanh Xuân
Hình 1.4	Nguyễn Thanh Xuân
Hình 1.5	Báo điện tử Ninh Bình https://baoninhbinh.org.vn/
<i>Chủ đề 2</i>	
Hình 2.1	Lê Thị Huệ
Hình 2.2	Nguyễn Thị Bình
Hình 2.3.	https://baotanglichsu.vn (truy cập 30/3/2026)
Hình 2.4	Bảo tàng Nam Định
Hình 2.5	Bảo tàng Nam Định
Hình 2.6	Bảo tàng Ninh Bình
Hình 2.7	Nguyễn Đình Tuấn
Hình 2.8	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hà Nam, lớp 6
Hình 2.9	Bảo tàng Ninh Bình
Hình 2.10	Bảo tàng Ninh Bình
Hình 2.11	Bảo tàng Ninh Bình
Hình 2.12	Bảo tàng Nam Định
Hình 2.13	Bảo tàng Ninh Bình
Hình 2.14	Bảo tàng Ninh Bình
Hình 2.15	Bảo tàng Ninh Bình
Hình 2.16	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hà Nam, lớp 6
Hình 2.17	Bảo tàng Ninh Bình
Hình 2.18	Bảo tàng Ninh Bình
Hình 2.19	Bảo tàng Ninh Bình
Hình 2.20	Bảo tàng Ninh Bình
Hình 2.21	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hà Nam
Hình 2.22	Bảo tàng Ninh Bình
Hình 2.23	Bảo tàng Nam Định
Hình 2.24	Bảo tàng Ninh Bình
Hình 2.25	Phạm Thị Thu Hiền
Hình 2.26	Nguyễn Thị Bình
Hình 2.27	Bảo tàng Ninh Bình
Hình 2.28	https://baotanglichsu.vn/vi/Articles/1001/13602/gioi-thieu-bao-vat-quoc-gia-1-trong-djong-ngoc-lu-hien-vat-tieu-bieu-nhat-cua-nen-van-hoa-djong-son.html (truy cập ngày 30/3/2026)
Hình 2.29	Bảo tàng Ninh Bình
Hình 2.30	Bảo tàng Ninh Bình

Hình/ Ảnh	Nguồn trích dẫn
Hình 2.31	Trịnh Thị Quyên
Hình 2.32	Nguyễn Thị Bình
Hình 2.33	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Nam Định (cũ), lớp 6
Hình 2.34	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hà Nam (cũ), lớp 6
Hình 2.35	https://vhht.ninhbinh.gov.vn/vi/di-san-van-hoa/den-dong-hoi-ninh-an-119.html (truy cập ngày 30/3/2026)
Hình 2.36	Nguyễn Thị Thu Thủy
Hình 2.37	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hà Nam, lớp 6
Chủ đề 3	
Hình 3.1	Sở Văn hoá và Thể thao Ninh Bình
Hình 3.2	www.qdnd.vn
Hình 3.3	Nhóm tác giả biên soạn
Tranh minh họa	Trịnh Thùy Dương, Phạm Văn Tường
Chủ đề 4	
Hình 4.1	Ảnh: Nguyễn Thị Thúy Vân
Hình 4.2	Ảnh: Nguyễn Thị Thúy Vân
Hình 4.3	Ảnh: Nguyễn Thị Thúy Vân
Hình 4.4	Ảnh: Trần Thị Thanh Tâm
Hình 4.5	Ảnh: Nguyễn Thị Thúy Vân
Hình 4.6	Ảnh; Cao Nhung
Hình 4.7	Ảnh; Dương Hùng
Hình 4.8	Ảnh: Minh Đường
Hình 4.9	Ảnh: Nguyễn Thị Thúy Vân
Hình 4.10	Ảnh: Sở Du lịch Ninh Bình
Hình 4.11	Ảnh; Hoa Xuân
Chủ đề 5	
Hình 5.1	Bùi Diệu
Hình 5.2	Đức Minh
Hình 5.3	Đức Trung
Hình 5.4	Wikipedia
Hình 5.5	Báo Hà Nam cũ (nay là Báo và Phát thanh truyền hình Ninh Bình)
Hình 5.6	Báo Hà Nam cũ (nay là Báo và Phát thanh truyền hình Ninh Bình)
Hình 5.7	Nghệ sĩ cung cấp
Hình 5.8	Wikipedia
Hình 5.9	Ninhbinhhtv.vn
Hình 5.10	Nghệ sĩ cung cấp
Hình 5.11	Báo Hà Nam cũ (nay là Báo và Phát thanh truyền hình Ninh Bình)

Hình/ Ảnh	Nguồn trích dẫn
Chủ đề 6	
Hình 6.1	Trang truyền thông của Chùa Phổ Minh
Hình 6.2	Nguồn Internet
Hình 6.3	Nguồn Internet
Hình 6.4	Phạm Văn Tường
Hình 6.5	Lê Thị Phương
Hình 6.6	Lê Thị Phương
Hình 6.7	Lê Thị Phương
Hình 6.8	Lê Thị Phương
Hình 6.9	Lê Thị Phương
Hình 6.10	Trang truyền thông của Chùa Phổ Minh
Hình 6.11	Phạm Văn Tường
Hình 6.12	Phạm Văn Tường
Hình 6.13	Phạm Văn Tường
Hình 6.14	Lê Thị Phương
Hình 6.15	Kù Kao Khải
Hình 6.16	Trần Thị Hà, Lớp 6A, Trường THCS Quang Trung, phường Hoa Lư – tỉnh Ninh Bình
Hình 6.17	Đoàn Thu Uyên, Lớp 6B, Trường THCS Khánh Thủy, xã Khánh Hội – tỉnh Ninh Bình
Hình 6.18	Bùi Gia Bảo, Lớp 7A, Trường THCS Hải Hậu, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
Chủ đề 7	
Hình 7.1	Báo Ninh Bình
Hình 7.2	Báo Ninh Bình
Hình 7.3	NinhBinhTV
Hình 7.4	Báo Ninh Bình
Hình 7.5	Báo Ninh Bình
Hình 7.6	Báo Ninh Bình
Hình 7.7	Báo Ninh Bình
Hình 7.8	Trần Thị Tụ
Hình 7.9	Báo Ninh Bình
Hình 7.10	NinhBinhTV
Hình 7.11	Báo Ninh Bình
Hình 7.12	Ảnh: Lê Dũng/ Báo Ninh Bình
Hình 7.13	Báo Ninh Bình
Hình 7.14	Báo Ninh Bình